CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH (VTB)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình

Tên giao dịch: VTB

Trụ sở chính: 248A Nơ Trang Long, Bình Thạnh, TPHCM

Điện thoại: (08.8)5163885 Fax: (08.8)5163886

Mã chứng khoán: VTB

Mã ISIN : VN 000000VTB8

Website : ***www.vtb.com.vn***

2/ Quá trình hình thành và phát triển :

- Tiền thân của Công ty là một xưởng sản xuất nhỏ của Công ty Sony thành lập năm 1973, và qua các giai đoạn phát triển từ xưởng sản xuất cơ điện Tân Bình (năm 1975), Nhà máy chế tạo tụ xoay Tân Bình (năm 1981), Xí nghiệp Vietronics Tân Bình (1983), đến năm 1991 đổi tên thành Công ty Điện tử Tân Bình với hình thức sở hữu là doanh nghiệp nhà nước

- Tháng 7/2004, Công ty Điện tử Tân Bình chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần và đổi tên thành Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình theo quyết định số 240/2003/QĐ-BCN ký ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp.

- Lịch sử hình thành của Công ty có thể tóm lược ở bảng dưới đây:

1981	Thành lập "Nhà máy chế tạo tụ xoay Tân Bình" thuộc Liên Hiệp các Xí Nghiệp Điện tử, với tên giao dịch "Viettronics Tân Bình".
1983-1985	Đổi tên từ Nhà máy chế tạo tụ xoay thành "Xí Nghiệp Viettronics Tân Bình" Đưa dây chuyền LR tụ xoay công suất 800.000 cái/năm vào hoạt động. Bắt đầu sản xuất mạch in.

1986	Thành lập phân xưởng lắp ráp Điện tử (Tivi, radio,..).
1991	"Xí Nghiệp Viettronics Tân Bình" được đổi tên thành "Công ty Công ty Điện tử Tân Bình" mang tên giao dịch "Công tyCông ty Viettronics Tân Bình" đến tháng 06/2004. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: sản xuất, lắp ráp, bảo hành, bán buôn, bán lẻ cac sản phẩm điện và điện tử.
1994	Thành lập liên doanh Sony Việt Nam.
1996	Thành lập liên doanh JVC Việt Nam.
1997	Chuyển trụ sở về 422 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận.
1999	Tham gia góp vốn thành lập công ty Công ty cổ phần Vitek
2000	Bắt đầu xây dựng thương hiệu VTB với các sản phẩm: ti vi màu và các sản phẩm audio khác
2001	Giới thiệu các sản phẩm Audio-hệ thống âm thanh chất lượng cao thương hiệu VTB.
2002	Tham gia vào thị trường công nghệ thông tin nội địa với các sản phẩm máy tính mang thương hiệu VTB
2004	Đầu tháng 07, chuyển hóa thành Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình - VTB JSC.
2005	Tung ra thị trường sản phẩm Tivi màn hình tinh thể lỏng, màn hình máy tính tinh thể lỏng mang thương hiệu VTB
2006	Tiếp tục khẳng định vị trí trong lĩnh vực CNTT Việt nam qua việc cung cấp ra thị trường những model máy tính xách tay chuyên nghiệp, cao cấp đồng thời mở rộng và phát triển sản xuất về lĩnh vực Điện lạnh dân dụng.
12/2006	Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình chính thức giao dịch trên sàn giao dịch chứng khóan Tp.HCM, số cổ phiếu niêm yết: 7.000.000

	cổ phiếu
2007	Chuyển mảng hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty Vitek về thành phòng kinh doanh sản phẩm Vitek tại VTB
2008	Công ty tiếp tục niêm yết bổ sung 0.767050 cổ phiếu nâng tổng số cổ phiếu niêm yết trên Sàn Giao dịch chứng khóan TP. HCM lên 11.982.050 cổ phiếu. Hiên nay, tổng số cổ phiếu Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM là 11.982.050 cổ phiếu với tổng giá trị 119.820.500.000 đồng.
T08-2009	Công ty thành lập Công Ty con lấy tên Công Ty CP Công Nghệ Thông Tin Việt Tân Bình , vốn góp chiếm 51% .
T11-2010	Công ty thành lập Công Ty con lấy tên Công Ty CP Vitek VTB Hà Nội , vốn góp chiếm 57%
T 01/2012	Công ty thành lập Công Ty con lấy tên Công Ty CP Vitek VTB HCM , vốn góp chiếm 51%
T04/2012	Công ty thành lập Công Ty con lấy tên Công Ty CP Thương Mại JS VTB , vốn góp chiếm 70%

Tháng 7/2004, Công ty Điện tử Tân Bình chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần và đổi tên thành Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình theo quyết định số 240/2003/QĐ-BCN ký ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp.

Thời điểm niêm yết:

- Tháng 12/2006 Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình chính thức giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán Tp.HCM, số cổ phiếu niêm yết: 7.000.000 cổ phiếu.

- Tháng 11/2008 Công ty tiếp tục niêm yết bổ sung 4.005.345 cổ phiếu nâng tổng số cổ phiếu niêm yết trên Sàn Giao dịch chứng khoán TP. HCM lên 11.005.345 cổ phiếu.

- Tháng 12/2008 Công ty tiếp tục niêm yết bổ sung 976.705 cổ phiếu nâng tổng số cổ phiếu niêm yết trên Sàn Giao dịch chứng khoán TP. HCM lên 11.982050 cổ phiếu.

- Hiện nay, tổng số cổ phiếu Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM là 11.982.050 cổ phiếu với tổng giá trị 119.820.500.000 đồng.

3.Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:

✧ Sản xuất, lắp ráp, bảo hành và kinh doanh các sản phẩm điện, điện tử và tin học (không tái chế nhựa, kim loại phế thải, xi mạ điện);

✧ Kinh doanh bất động sản, văn phòng cho thuê;

✧ Sản xuất, lắp ráp, bảo trì và mua bán các sản phẩm điện lạnh – điện gia dụng ...

– Địa bàn kinh doanh: Tiêu thụ trong nước và xuất khẩu .

4.Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Các công ty con :

♦ Công Ty CP Công Nghệ Thông Tin Việt Tân Bình : 15 tỷ góp 51 % vốn điều lệ .

- Địa chỉ : 06 Phạm văn Hai Quận Tân Bình – TP HCM
- Lĩnh vực kinh doanh : Mua bán các sản phẩm máy tính và linh kiện máy tính .

♦ Công Ty CP Vitek VTB Hà Nội : 6 tỷ góp 57% vốn điều lệ .

- Địa chỉ : 37 Láng Trung - Quận Hai Bà Trưng – Hà Nội
- Lĩnh vực kinh doanh : Mua bán các sản điện tử - điện lạnh và điện gia dụng .

♦ Công Ty CP Vitek VTB HCM : 6 tỷ góp 51% vốn điều lệ .

- Địa chỉ : 248A Nơ Trang Long - Quận Bình Thạnh – TP HCM
- Lĩnh vực kinh doanh : Mua bán các sản điện tử - điện lạnh và điện gia dụng .

♦ Công Ty CP Thương Mại JS VTB : 5 tỷ góp 70% vốn điều lệ .

- Địa chỉ : 248A Nơ Trang Long - Quận Bình Thạnh – TP HCM
- Lĩnh vực kinh doanh : Mua bán các sản điện tử mang thương hiệu JVC và điện gia dụng .

5. Định hướng phát triển

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Định hướng của VTB trong thời gian tới là nhắm vào các mặt hàng mà dung lượng thị trường còn lớn bên cạnh việc nghiên cứu thêm các tiện ích mới trong các sản phẩm sản

xuất đưa ra thị trường các sản phẩm như máy lạnh, máy giặt, tủ lạnh,.. nhằm đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của người tiêu dùng.

+ Tổ chức lại sản xuất theo hướng mở rộng qui mô, nâng cao chất lượng sản lượng, năng lực quản lý chất lượng và khả năng truy xuất sản phẩm.

+ Chú trọng xây dựng hệ thống phân phối, bảo hành và quảng bá thương hiệu, đồng thời có các biện pháp chặt chẽ để giữ vững và nâng cao uy tín thương hiệu.

+ Tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh các quy trình, thủ tục quản lý nội bộ.

+ Sử dụng, quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực phù hợp với chiến lược phát triển SXKD của Công ty.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

* Chăm lo đời sống cho nhân viên

- Bảo đảm cho người lao động có đủ việc làm suốt cả năm.
- Công ty duy trì các mức phúc lợi cho người lao động theo Quy chế công ty và theo Thỏa ước lao động tập thể 2.500.000 đồng /năm.
- Tiền thưởng năm cho nhân viên duy trì ở mức từ 2,0 đến 3 tháng lương.
- Mức thu nhập bình quân tồn công ty: 4,230,000 ñoàng/thaùng.
- Tổ chức cho NV đi nghỉ kết hợp hoạt động cộng đồng tại CampuChia, thời gian 5 ngày.
- Tổ chức hội nghị NLĐ, xem xét lại điều khoản trong TÖLÑTT, các tiêu chuẩn phúc lợi như trong TÖLÑTT đều ñöôïc thöïc hieän nghieâm tuùc đầy đủ.
- Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật lao động liên quan đến quyền lợi của người lao động, liên quan đến quyền lợi của con người, thực hiện nghiêm túc tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, ngoài ra công ty còn mua thêm cho NLĐ bảo hiểm tai nạn 24/24).
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp sản xuất.
- Khám sức khỏe định kỳ hàng năm đúng quy định.
- Ngoài việc chăm lo cho NLĐ, chúng tôi còn chăm lo cho con em của họ trong học hành, có quỹ khen thưởng hàng năm cho con em có thành tích cao trong học tập.

* Các hoạt động đoàn thể Xã Hội

+ Với tổ chức đoàn thể: Công ñoaøn phối hôïp vôùi Đoàn Thanh nieân phaùt ñoäng caùc phong traøo TDTT, văn nghệ nhân kyû nieäm ngaøy thaønh laäp Ñaûng 3/2, 30/4, Quoác teá Lao Ñoäng 1/5, Caùch maïng thaùng Taùm vaø

Quoác khaùnh 2/9 thu huùt nhieàu ngöôøi tham gia taïo ra không khí vui veû, gắn boù trong ñôøi soáng, trong coâng vieäc, phong traøo phuï nöõ hai giỏi cuûa toå chöùc Coâng ñoaøn coù taùc duïng ñoäng vieân, khuyến khích lao ñoäng nữ tham gia caùc phong traøo ñoaøn theå.

+ Công taùc xã hoäi: vaän ñoäng toaøn theå caùn boä coâng nhaân vieân laøm công tác xã hoäi töø thieän vôùi toång soá tieàn laøm công taùc xã hoäi trong năm 2013 laø: 800,400,000 đồng

+ Trong năm Công Ty có nhận phục dưởng suốt đời cho 02 Mẹ Việt Nam Anh Hùng tại Tỉnh Bến Tre .

* Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong công ty

◊ Ban lãnh ñaïo Coâng ty luôn chỉ ñaïo caùc phoøng ban chöùc năng nghieäp vuï, những nôi có quan heä tröïc tieáp vôùi NLÑ phaûi luôn quan taâm ñeán nguyeän voïng vaø caùc quyeàn lôïi chính ñaùng cuûa hoï theo luaät phaùp quy ñònh, thöïc hieän nghiêm chỉnh, ñaày ñuû...,veà taøi chính chi tieâu rõ ràng, minh baïch.

◊ Ban Toång giaùm ñoác cũng đã daønh thôøi gian tieáp xuùc vôùi NLÑ khi coù yeâu caàu. Do laøm toát nhö treân neân trong năm qua khoâng coù ñôn thö khiếu naïi, tố cáo.

◊ Không khí trong toàn công ty vui tươi, đoàn kết, dân chủ

6. Các rủi ro:

Cũng như năm 2013, năm 2014 tiếp tục là một năm có nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp Việt Nam. Các doanh nghiệp sản xuất gặp nhiều khó khăn đặc biệt là các Doanh nghiệp vừa và nhỏ. Thị trường trong nước sức mua giảm sút bởi lạm phát ở mức cao. Giá vàng lên xuống không ổn định, lãi suất vay ngân hàng cao. Chi phí sản xuất tăng do nhiều nguyên nhân như giá nguyên vật liệu trên thế giới tăng, chi phí cho người lao động tăng, chi phí vận tải tăng mạnh ảnh hưởng đến sức cạnh tranh của DN. Thị trường chứng khoán ảm đạm gần như suốt cả năm. Những khó khăn đó đã tác động trực tiếp đến tình hình SXKD của VTB.

Bên cạnh khó khăn trên, sự đóng băng của thị trường bất động sản cộng với chủ trương tăng tiền thuê đất hơn nhiều lần của nhà nước cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc kinh doanh văn phòng cho thuê của công ty, đó cũng là một trong những lý do chính làm lợi nhuận của công ty sụt giảm.

Ngoài những khó khăn khách quan kể trên, còn có những nguyên nhân chủ quan đã tác động tới kết quả SXKD của công ty, đó là:

- Thương hiệu VTB cũng đã xây dựng được nhiều năm, tuy đã bắt đầu xây dựng được một số sản phẩm đặc trưng, riêng biệt nhưng do biến động về giá cả đầu vào cũng như sự xâm nhập nhanh, mạnh của các thương hiệu mạnh trên thế giới, cùng với tâm lý thích hàng ngoại của người tiêu dùng, vì thế thương hiệu và sản phẩm VTB gặp nhiều khó khăn trên thị trường trong nước. Cùng một mức chất lương sản phẩm, người tiêu dùng thường chỉ

chấp nhận chi trả một số tiền cho sản phẩm mang thương hiệu VTB ít hơn từ 10 đến 20% so với các thương hiệu ngoại. Điều này dẫn đến lợi nhuận từ SXKD thấp.

- Trong những năm trước, Công ty VTB có 2 liên doanh là Sony Việt Nam và JVC Việt Nam. Lợi nhuận hàng năm của công ty có sự đóng góp chủ lực của lợi nhuận được chia từ các liên doanh này. Nhưng từ năm nay trở đi, lợi nhuận hàng năm của VTB sẽ chỉ còn từ SXKD của chính công ty, VTB sẽ không có nguồn tài trợ nào khác mà chỉ có nội lực của công ty.

Tuy khó khăn rất nhiều nhưng với sự cố gắng của tập thể CB-NV trong năm 2013, mặc dù chưa đạt được các chưa tiêu kế hoạch như đề ra đầu năm nhưng đã đạt được ở một mức có thể chấp nhận được trong tình hình khó khăn chung của thị trường và khó khăn riêng của VTB trong năm 2013

II.Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Báo cáo riêng VTB (đã kiểm toán)

ĐV tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	KH 2013	TH 2013	TH 2013/ KH 2013
Doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu tài chính và thu nhập khác	215.408	178.239	82,7%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.000	12.378	103,2%
Lãi cơ bản trên mỗi CP (%)	11,0%	11,5%	104,5%

Báo cáo hợp nhất VTB (đã kiểm toán) ĐV tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	KH 2013	TH 2013	TH 2013/ KH 2013
Doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu tài chính và thu nhập khác	215.408	218.689	101,5%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.005	13.905	99,0%
Lãi cơ bản trên mỗi CP (%)	12.9%	12.9%	100,0%

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành:

Danh sách các thành viên trong ban điều hành và Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

1. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị:

1. Lê Ngọc Sơn Chủ tịch Hội Đồng quản trị

(Bải nhiệm từ tháng 04/2013)

2. Lưu Hoàng Long Chủ tịch Hội Đồng quản trị

(Chủ tịch từ tháng 04/2013)

3. Ngô Văn Vị	Thành viên Hội đồng Quản trị
4. Vũ Hoàng Chương	Thành viên Hội đồng quản trị
5. Bùi Kim Khánh	Thành viên Hội đồng quản trị
6. Vũ Dương Ngọc Duy	Thành viên Hội đồng quản trị

2. Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám Đốc:

1. Vũ Dương Ngọc Duy	Tổng Giám Đốc.
2. Nghiêm Xuân Vân	Phó Tổng Giám đốc.

(Bải nhiệm từ tháng 06/2013)

3/ Vũ Hoàng Chương	Phó Tổng Giám đốc.

3. Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát:

1. Nguyễn Thị Vi Minh	Trưởng Ban Kiểm soát
2. Nguyễn Thị Thùy Linh	Kiểm soát viên
3. Huỳnh Văn Đức	Kiểm soát viên.

4. Kế toán trưởng:

Đào Trung Thanh	Kế toán trưởng.

Sơ yếu lý lịch của thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát :

Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị:

A. Ông Lê ngọc Sơn – Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: LÊ NGỌC SƠN
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 02/07/1953
- Nơi sinh: Bình Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, P. 6, Quận 3, TP. HCM

- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08.9252327
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Công nghệ thông tin
- Quá trình công tác
- Từ tháng 08/1986 đến 08/1988: Cán bộ kỹ thuật – Công ty máy tính TP. HCM.
  - Từ 08/1988 đến 09/1999: Phó giám đốc- Giám đốc Công ty Công nghệ Thông tin GENPACIFIC.
  - Từ 09/1999 đến 02/2007: Phó Tổng Giám Đốc Tổng Công ty CP Điện Tử và Tin Học Việt Nam (VEIC).
  - Từ 03/2007 đến nay: Chủ tịch HĐQT - Tổng CTy CP Điện tử và Tin Học Việt Nam.
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT Cty VTB
- ành vi vi phạm pháp luật (*nếu có*): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Số cổ phiếu hiện đang nắm giữ: 0.0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với công ty : không

B. *Ông Ngô Văn Vị – Thành viên HĐQT*

- Họ và tên: NGÔ VĂN VỊ
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 19/01/1951.
- Nơi sinh: Hiệp Hòa – Bắc Giang.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Hiệp Hòa – Bắc Giang
- Địa chỉ thường trú: 12 Nguyễn Quang Bích, P.13, Q.Tân Bình, Tp.HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08. 8477044.
- Trình độ văn hoá: Đại học.

- Trình độ chuyên môn: Kế toán
- Quá trình công tác:
  - 1976-1977: Kế toán Công ty Công nghiệp Hậu Giang.
  - 1977-1986: Kế toán trưởng Công ty Cơ khí Hậu Giang
  - 1986-1994: Trưởng phòng Kế hoạch vật tư Công ty Điện tử Tân Bình.
  - 1994-2001: Kế toán trưởng Công ty Sony Việt Nam.
  - 2001-2004: Phó Tổng GĐ Công ty Sony Việt Nam
  - 2004-2005: P.GĐ Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình.
  - 2005-nay: Giám Đốc Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên hội đồng quản trị
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.
- Số cổ phần nắm giữ: 313.259 cổ phần.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.

C/ Ông Vũ Hoàng Chương TV.HĐQT

- Họ và tên: VŨ HOÀNG CHƯƠNG
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 10/01/1961
- Nơi sinh: Tp.HCM.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: 390/5 Cách mạng Tháng 8, P.11. Q3, Tp.HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08. 8478755
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện tử
- Quá trình công tác:

- 1983-1988: Giảng viên Kỹ thuật trường Sư phạm Kỹ thuật
- 1988-1992: P.GĐ Công ty Điện tử TRITRONICS
- 1992-1997: Trợ lý Giám đốc Công ty Điện tử Tân Bình
- 1997-2001: P.Tổng Giám đốc Công ty Sony Việt Nam.
- 2001-2005: P. GĐ/Giám Đốc Công ty Điện tử Tân Bình.
- 2005-nay: P.Tổng Giám đốc công ty JVC Việt Nam

o Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc công ty JVC Việt Nam.

o Hành vi vi phạm pháp luật: Không

o Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

o Số cổ phần nắm giữ: 174.973 cổ phần. (Mệnh giá 10.000 đồng)

o Các khoản nợ đối với công ty: Không.

D. Ông Vũ Dương Ngọc Duy TV.HĐQT- Tổng Giám Đốc .

o Họ và tên: Vũ Dương Ngọc Duy

o Giới tính: Nam

o Ngày tháng năm sinh: 08/07/1960

o Nơi sinh: Tp.HCM.

o Quốc tịch: Việt Nam

o Dân tộc: Kinh

o Quê quán: Quãng Ngãi

o Địa chỉ thường trú: 68 Ba Vân – Q Tân Bình , Tp.HCM

o Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08. 35163885

o Trình độ văn hoá: Đại học

o Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện tử

o Quá trình công tác:

- 1982-1986: Nhân viên kỹ thuật nhà máy chế tạo tụ xoay Tân Bình (sau đổi tên là Viettronics Tân Bình)
- 1986-1994: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Viettronics Tân Bình

- 1994-1998: Tổng trưởng phòng sản xuất Công ty Sony Việt Nam
- 1998-2000: Giám đốc kinh doanh Công ty Sony Việt Nam.
- 2000-2005: P.Tổng Giám đốc Công ty JVC Việt Nam
- 2005-2012 : P. Tổng Giám đốc Công ty CP Viettronics Tân Bình
- 2012- nay : Tổng Giám đốc công ty CP Viettronics Tân Bình

- Chức vụ công tác hiện nay: Tổng Giám đốc công ty .
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.
- Số cổ phần nắm giữ: 118.861 cổ phần. (Mệnh giá 10.000 đồng)
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.

E. Ông Bùi Kim Khánh – TV. HĐQT

- Họ và tên: BÙI KIM KHÁNH
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 21/05/1958
- Nơi sinh: Hải Phòng.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú: 46 Trần Bình Trọng, P5, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08. 8228177
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kế toán
- Quá trình công tác:
  - 1980- 1990: Công ty LD Dầu khí Việt – Xô
  - 1991-2003: Công ty Điện Tử Tân Bình
  - Từ 2003 đến nay: Tổng Công ty Điện tử Tin học Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Uỷ Viên HĐQT, Chuyên viên Tổng Công ty Điện tử Tin học Việt Nam.

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.
- Số cổ phần nắm giữ: 165.390 cổ phần. (Mệnh giá 10.000 đồng)
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.

*** Ông Đào Trung Thanh – Kế toán trưởng**

- Họ và tên : ĐÀO TRUNG THANH
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 09/08/1965
- Nơi sinh: Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bình Dương.
- Địa chỉ thường trú: 79 Trần kế Xương P.07 , Quận Phú Nhuận , Tp.HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08. 35163885
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kế toán
- Quá trình công tác:
  - 1988- 1990: Công ty LD Tổng hợp Lâm Hà – TP HCM
  - 1991-2004: Công ty Điện Tử Tân Bình
  - Từ 2004- đến nay: Công ty CP Viettronics Tân Bình

Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.
- Số cổ phần nắm giữ: 70.605 cổ phần. (Mệnh giá 10.000 đồng)
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.

Sơ yếu lý lịch thành viên Ban kiểm soát.

A. Bà Nguyễn Thị Vi Minh - Trưởng ban kiểm soát

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ VI MINH
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 12/01/1977
- Nơi sinh: Bình Thuận
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú: Tân Nghĩa, Hàm Tân, Bình Thuận
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08.9252327
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kế toán
- Quá trình công tác (*nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua*):
  - Từ tháng 02/2000 đến 12/2005: Kế toán trưởng – Công ty TNHH TM XD Vận Hành Bảo Trì Dịch Vụ Kỹ Thuật điện Sài Gòn.
  - Từ 12/2005 đến 11/2007: Kế toán trưởng Tạp chí Thế Giới Ảnh (thuộc Phòng thương mại Việt Nam).
  - Từ 11/2007 đến nay: Chuyên viên tài chánh – Tổng CT CP Điện tử & Tin Học Việt Nam (VEIC).
- Chức vụ công tác hiện nay: Chuyên viên tài chánh VEIC – Trưởng Ban BKS Công ty VTB
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Số cổ phiếu hiện đang nắm giữ: 0.0 cổ phiếu

0 Các khoản nợ đối với công ty: K*hông.*

B. Bà Trương Thị Thùy Linh – Thành viên ban kiểm soát

- Họ và tên: TRƯƠNG THỊ THÙY LINH
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 24/09/1977
- Nơi sinh: Long An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Long An
- Địa chỉ thường trú: 8/2 Tổ 5 Phan Văn Hớn – Hóc Môn – TP HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08.35163886
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kế Toán
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
  - Từ tháng 1999đến cuối năm 2003 : Kế toán – Công ty TNHH Hoàn Long Computer
  - Từ năm 2004 đến tháng 2/2007 Kế toán – Công ty Vitek
  - Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên BKS Công ty VTB
  - Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Số cổ phiếu hiện đang nắm giữ: 450 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.

C. Ông Huỳnh Văn Đức – thành viên Ban kiểm soát .

- Họ và tên: HUỲNH VĂN ĐỨC
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 25/4/1959

- Nơi sinh: Campuchia
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán:
- Địa chỉ thường trú: 525/84A Huỳnh Văn Bánh – Phú Nhuận – TP HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08. 35163886
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí.
- Quá trình công tác:
  - 1983- đến nay: Công ty CP Điện tử Tân Bình
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó phòng hành chính nhân sự .
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.
- Số cổ phần nắm giữ: 48.490 cổ phần. (Mệnh giá 10.000 đồng)
- Các khoản nợ đối với công ty : Không

- NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM 2013

1. Thay đổi Giám đốc điều hành trong năm:

Không thay đổi

2. Thay đổi kế toán trưởng :

.Không thay đổi

3. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị:

Thay đổng Chủ tịch HĐQT Ông Lưu Hoàng Long lên thay cho Ông Lê Ngọc Sơn

4. Thay đổi Ban Kiểm Soát:

Không thay đổi .

Số lượng cán bộ, nhân viên.

+ Tổng số cán bộ công nhân viên đến hết ngày 31/12/2013 là 154 người, về chính sách đối với người lao động thực hiện theo đúng Bộ luật lao động, Điều Lệ, Nội quy công ty và người lao động luôn được công ty bảo đảm về việc làm, đời sống.

+ Thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2013 : 5.500.000 đồng/người/tháng.

2. Chính sách đối với người lao động:

+ Số lượng người lao động của Công ty tính đến thời điểm hiện nay: Tổng số lao động: 140 người, trong đó: 97 nam 43 nữ.

+ Trình độ chuyên môn:

- Đại học và trên đại học: 73 người
- Cao đẳng: 30 người
- Trung học chuyên nghiệp: 25 người
- Trình độ 12/12 : 12 người

+ Trình độ học vấn: 12/12 (tất cả cán bộ CNV)

+ Chất lượng lao động nhìn chung là cao, được huấn luyện tốt, có tinh thần làm việc và kỷ luật cao.

+ Chính sách đối với người lao động:

- Chính sách đào tạo:

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ tại các đơn vị. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

· Đối với lao động trực tiếp: thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học.

· Đối với lao động tại các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học cả trong và ngoài nước với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của nhà nước.

- Chính sách lương:

Công ty xây dựng quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Tiền lương được phân phối theo nguyên tắc phân phối lao động và sử dụng tiền lương như đòn bẩy kinh tế quan trọng nhất để kích thích người lao động tích cực tham gia sản xuất kinh doanh. Việc phân phối lương được thực hiện công khai và dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Công ty.

- Chính sách thưởng:

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, Công ty đưa ra chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí.

+ Các chính sách khác:

- Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động. Nội quy lao động và Thoả ước lao động tập thể. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên.

- Công ty thực hiện các chính sách BHXH, BHYT, Hưu Trí ... theo đúng chính sách nhà nước ban hành.

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án : Trong năm Công Ty triển khai xây dựng nhà máy lắp ráp tại khu công nghiệp Cái lái , tổng dự án dự kiến khoản 25 tỷ, dự án chưa triển khai được với lý do chưa xin được giấy phép xây dựng . Dự kiến trong năm 2014 sẽ triển khai dự án .

3 Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính :

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
**Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng :*			
Tổng giá trị tài sản	250.430	261.202	104,3%
Doanh thu thuần	196.147	163.202	83.4%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	14.273	12.261	85,95%
Lợi nhuận khác	998	2.020	202,4%

Lợi nhuận trước thuế	15.271	14.281	93,55
Lợi nhuận sau thuế	12.418	12.378	99,7%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	11,40%	11,45%	100,4%

b) **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :**

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán :			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn : TSLĐ/Nợ ngắn hạn	3,56	3,55	
+ Hệ số thanh toán nhanh : TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	2,96	2,51	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn :			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,19	0,22	
+Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,23	0,28	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động :			
+ Vòng quay hàng tồn kho : Gía vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	5,74	2,36	
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0.78	0,63	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời :			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,063	0,076	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,061	0,061	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,050	0,047	

+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,073	0,075	

4 / Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu :

- Hiện nay toàn bộ cổ phiếu của công ty là cổ phiếu phổ thông. Tổng số cổ phiếu tính đến ngày **12/03/2014** (ngày đăng ký cuối cùng để tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014) : **11.982.050** cổ phiếu (mệnh giá : 10.000đ/1 cổ phiếu).
- Trong đó 1 cổ đông Nhà Nước nắm giữ là **6.654.960** cổ phiếu, chiếm 55,54%, **1.177.530CP** quỹ chiếm 9,83% . Còn lại **4.149.560** cổ phiếu chiếm **34,63%** bao gồm các cổ đông trong và ngoài nước (Bao gồm tổ chức và cá nhân)

ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU	Số lượng (Người)	Gía trị cổ phiếu (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
TRONG NƯỚC	**875**	**115,079,180,000**	**96.05**
HĐQT, BGD	4	7,724,830,000	6.45
Cổ phiếu quỹ	1	11,775,300,000	9.83
Cá nhân	838	24,408,340,000	20.37
Tổ chức	32	71,170,710,000	59.40
NƯỚC NGOÀI	**57**	**4,741,320,000**	**3.95**
Cá nhân	51	2,219,520,000	1.85
Tổ chức	6	2,521,800,000	2.10
TỔNG CỘNG	**932**	**119,820,500,000**	**100,00**

III Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Nhận định chung:

Năm 2013 tiếp tục là một năm có nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp Việt Nam. Các doanh nghiệp sản xuất gặp nhiều khó khăn đặc biệt là các Doanh nghiệp vừa và nhỏ.với hơn 67.000 doanh nghiệp giải thể, phá sản trong năm . Thị trường trong nước sức mua giảm sút mặc dù lãi suất vay ngân hàng đã thấp nhưng việc tiếp cận nguồn vốn lãi suất thấp vẫn có nhiều khó khăn . Bên cạnh đó chi phí sản xuất tăng do nhiều nguyên nhân như giá nguyên vật liệu trên thế giới tăng, chi phí cho người lao động tăng, chi phí vận tải tăng mạnh ảnh hưởng đến sức cạnh tranh của DN. Những khó khăn đó đã tác động trực tiếp đến tình hình SXKD của VTB.

Bên cạnh khó khăn trên, sự tiếp tục đóng băng của thị trường bất động sản cộng với chủ trương tăng tiền thuê đất hơn nhiều lần của nhà nước cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc kinh doanh văn phòng cho thuê của công ty, đó cũng là một trong những lý do chính làm lợi nhuận của công ty sụt giảm.

Tuy khó khăn rất nhiều nhưng với sự cố gắng của tập thể CB-NV trong năm 2013, mặc dù chưa đạt được hết các chỉ tiêu kế hoạch như đề ra đầu năm nhưng đã đạt được ở một mức có thể chấp nhận được trong tình hình khó khăn chung của thị trường và khó khăn riêng của VTB trong năm 2013.

KẾT QUẢ KINH DOANH ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2013 :

Báo cáo riêng VTB (đã kiểm toán) ĐV tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	KH 2013	TH 2013	TH13/KH13
Doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu tài chính và doanh thu khác	215.408	178.239	82,7%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.000	12.378	103,2%
Lãi cơ bản trên mỗi CP (%)	11,0%	11,5%	104,5%

Nhận định chung:

Mặc dù còn có nhiều khó khăn như phần trên đã nêu, HĐQT và BTGĐ Công ty đã có nhiều cố gắng theo sát tình hình SXKD và tình hình thị trường, liên tục cải thiện môi trường làm việc cho nên tình hình sản xuất kinh doanh tương đối ổn định, bảo đảm đời sống cho nhân viên và người lao động. Kết quả lợi nhuận 2013 đạt 103,2% so với KH, lãi cơ bản trên mỗi CP đạt 11,5% và doanh số đạt 82,7% so với kế hoạch, so với các doanh nghiệp cùng ngành trong và ngoài nước cũng là kết quả chấp nhận được.

Báo cáo hợp nhất VTB (đã kiểm toán) ĐV tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	KH 2013	TH 2013	TH13/KH13
Doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu tài chính và doanh thu khác	215.408	218.689	101,5%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.055	13.905	99,0%
Lãi cơ bản trên mỗi CP (%)	12,9%	12,9%	100,0%

Kiểm điểm lại các mục tiêu đề ra tại Đại hội năm 2013

Các mục tiêu và biện pháp lớn đã đề ra trong năm 2013 như sau :

1/ Tập trung vào công tác nghiên cứu phát triển những sản phẩm có hàm lượng chất xám cao, có giá trị cộng thêm lớn như các sản phẩm HD Karaoke media center có nhiều tính năng trong 1 như : hát karaoke, xem phim HD, xem hình, nghe nhạc , kết nối internet qua wifi, 3G ..... Tiếp tục cho ra thị trường nhiều mẫu mới với tính năng cao hơn và có lợi thế cạnh tranh hơn đối với dòng karaoke thông dụng. Phát triển các sản phẩm internet karaoke trên cơ sở điện toán đám mây, tạo tiền đề cho việc phát triển VTB thành công ty công nghệ cao trong vòng từ 3 đến 5 năm nữa.

2/ Tập trung khai thác tối đa các nguồn lực hiện có của công ty. Hiện tại việc liên doanh với Sony và JVC đã chấm dứt , do đó VTB phải nhanh chóng tìm các nguồn thu bổ

sung để có thể đảm bảo hài hòa cho sự phát triển trong tương lai thông qua đầu tư vừa đảm bảo lợi nhuận hiện hữu để đảm bảo cổ tức cho các cổ đông.

Ngay từ đầu năm, VTB đã ký các bản ghi nhớ và tiến hành các thủ tục đầu tư mặt bằng Cát Lái cho Công ty Yusen và Sony thuê, dự kiến mức lợi nhuận hàng năm mang lại cho VTB khá lớn.

Bên cạnh đó sẽ tìm cách khai thác mặt bằng 06 Phạm Văn Hai trong năm 2013.

Riêng mặt bằng 248A Nơ Trang Long sẽ tập trung khai thác tất cả những nơi còn trống – khoảng 2000 m2 kho còn có thể cho thuê .

3/ Xây dựng các quy chế quản lý phù hợp cho các Công ty thành viên theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, đảm bảo sự phát triển các Công ty thành viên hài hòa theo định hướng của Công ty mẹ, đảm bảo sự điều hành minh bạch và có lợi nhuận cao ở các Công ty thành viên.

4/ Phát triển kinh doanh, tiết giảm chi phí, hướng về công nghệ cao và thương hiệu Quốc gia 2015.

Với các định hướng và mục tiêu đã trình bày tại đại hội cổ đông thường niên năm 2013, trong năm qua HĐQT và ban TGĐ công ty đã triển khai và kết quả như sau :

1/ *Tập trung vào công tác nghiên cứu phát triển :*

Đã tập trung xây dựng Bộ phận nghiên cứu phát trển thành một trong những bộ phận chủ lực của công ty . Bổ sung một thành viên trong Ban Tổng Giám Đốc trực tiếp phụ trách bộ phận này . Các sản phẩm đã định hướng trong đại hội năm 2013 đã thiết kế đi vào giai đoạn cuối , khả năng sẽ đưa ra thị trường vào quý 2-2014 . Bên cạnh đó đã tập trung khai thác các sản phẩm do công ty tự thiết kế chính thức thoát khỏi các sản phẩm OEM từ nước ngoài . Đấy là thành quả lớn nhất của công ty về phát triển sản phẩm trên triết lý : <<Tự hào giá trị Việt >>.

2/ Tập trung khai thác tối đa các nguồn lực hiện có của công ty. :

Ngay từ đầu năm , Công ty đã tập trung khai thác các mặt bằng còn trống tại các địa điểm Vĩnh Lộc, Phạm Văn Hai , Nơ Trang Long , Cát Lái . Mặc dù trong năm có lúc không thuận lợi như khách hàng lớn Sony di chuyển vào cao ốc , Công ty JVC Việt Nam giải thể , Công ty LBC trả lại mặt bằng …. Nhưng với nhiều nỗ lực ,hiện nay mặt bằng Vĩnh Lộc đã kín , Phạm Văn Hai cũng đã kín , Nơ Trang Long gần 90% đã kín, đã khai thác thêm được gần 2000 m2 kho tại Nơ Trang Long, đảm bảo nguồn thu cho năm 2014. Mặt bằng Cát Lái mặc dù đã ký các bàn ghi nhớ hợp tác đầu tư với Công ty Yusen và Sony nhưng do việc thay đổi chủ trương hoạt động từ phía tập đoàn Sony nên dự án này tạm thời ngừng. Hiện nay ban lãnh đạo đang nỗ lực tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới .

3/ Xây dựng các quy chế quản lý phù hợp cho các Công ty thành viên theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, đảm bảo sự phát triển các Công ty thành viên hài hòa theo định hướng của Công ty mẹ, đảm bảo sự điều hành minh bạch và có lợi nhuận cao ở các Công ty thành viên.

Đánh giá hoạt động các Công ty thành viên chúng tôi có thể nêu ra như sau :

- Kết quả hoạt động của Công ty JS VTB là tương đối tốt, lợi nhuận kỳ vọng đạt yêu cầu đề ra và hướng phát triển của công ty là có, tuy nhiên cũng cần thêm thời gian để có thể khẳng định đặc biệt trong tình hình tương đối khó khăn của những năm sắp tới. Công

ty JS VTB bên cạnh Công ty JVC nay được Công ty đa quốc gia Pioneer chọn là nhà phân phối độc quyền tại Việt Nam, hy vọng đây là bước phát triển mới cho công ty con này.

- Công ty CNTT VTB bước đầu hồi phục, hoạt động trong năm đã có lãi sau một thời gian dài thua lỗ từ năm 2011, hy vọng sẽ có kết quả tốt trong năm 2014.

- Công ty Vitek VTB HCM hoạt động khó khăn do chi phí cao và doanh số nhỏ do cạnh tranh quá nhiều ở thị trường miền Nam. HĐQT đã quyết định tái cơ cấu theo hướng giải thể, thành lập bộ phận bán hàng trực tiếp từ Công ty mẹ để giảm chi phí . Kết quả khả quan, doanh số bán hàng tăng lên nhưng chi phí giảm. Hy vọng năm 2014 kết quả kinh doanh tại thị trường miền Nam sẽ hồi phục.

- Công ty Vitek VTB Hà Nội trong năm hoạt động không tốt, kết quả kinh doanh lỗ do một số đầu tư không khả thi, HĐQT đã quyết định tái cơ cấu nhân sự chủ chốt, bước đầu đã ổn định. Kết quả kinh doanh 2014 sẽ quyết định các định hướng cho Công ty thành viên này vào những năm về sau.

Công ty VTB đã xây dựng quy chế kiểm soát nội bộ và kiểm tra định kỳ các Công ty thành viên bên cạnh các đợt kiểm toán cuối quý, điều nầy sẽ đảm bảo việc điều hành minh bạch và kết quả tốt tại các Công ty thành viên.

4/ Phát triển kinh doanh, tiết giảm chi phí, hướng về công nghệ cao và thương hiệu Quốc gia 2015.

Mục tiêu của công ty là ổn định kinh doanh, lấy tiêu chí an toàn làm đầu, tăng tốc nhưng phải vững chắc, không nóng vội. Các chính sách phát triển công ty hướng vào mục tiêu phát triển bền vững do đó tập trung đầu tư vào công nghệ cao nhưng vẫn đảm bảo mục tiêu lợi nhuận và theo đuổi mục tiêu thương hiệu quốc gia vào năm 2015 .

- Kết quả năm 2013 VTB đã đạt được :

1/ Doanh số bán hàng đạt 84,8% so với năm 2012.

2/ Lợi nhuận sau thuế đạt 99,7% so với năm 2012.

3/ Bước đầu thành công trong việc đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển. Đưa ra thị trường hơn 6 model mới Karaoke, Ampli , Loa ,…

Báo cáo riêng VTB (đã kiểm toán) ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	TH 2013	TH 2012	TH 2013/2012
Doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu tài chính và thu nhập khác	178.239	210.108	84,8%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.378	12.418	99,7%

KẾ HOẠCH NĂM 2014

Tình hình chung năm 2014:

1/ Tình hình kinh tế vĩ mô nói chung sẽ dần ổn định, tuy nhiên các rủi ro vẫn còn tiềm ẩn đối với DN đặc biệt với các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Theo một số chuyên gia thì khả

năng 2013 tình hình bất động sản sẽ tốt hơn, hàng tiêu dùng cao cấp có khả năng tăng doanh thu.

2/ Tỷ giá VNĐ/USD có khả năng biến động lên đến 22.000 ~ 23.000 VNĐ/USD, có nghĩa là sẽ tiếp tục mất giá khoảng 5-10% so với hiện nay.

3/ Lãi suất ngân hàng giảm tuy nhiên việc tiếp cận các nguồn vốn giá rẽ vẫn là một khó khăn đối với các doanh nghiệp. Do tình hình thị trường vẫn chưa rõ ràng nên ngoại trừ các doanh nghiệp có dự án khả thi, có đầu ra thì mới dám vay vốn để kinh doanh còn phần lớn đều án binh bất động.

4/ CP đầu vào của các sản phẩm tiếp tục tăng như giá NVL chủ yếu : nhựa , thép, đồng ... và CP vận tải cũng sẽ tăng khi giá xăng dầu tăng ...

5/ CP sản xuất cũng sẽ tăng do giá điện, xăng dầu, CP lao động (tăng lương tối thiểu và tăng do trượt giá).

6/ Ngành hàng điện tử - điện máy dân dụng tiếp tục cạnh tranh gay gắt giữa các thương hiệu lớn với các thương hiệu vừa và nhỏ, với các sản phẩm không thương hiệu (về giá, thuế VAT, thuế nhập khẩu), do đó không thể tăng giá đầu ra.

Các mục tiêu và biện pháp trong năm 2014 như sau:

1/ Tiếp tục đầu tư vào công tác nghiên cứu phát triển những sản phẩm có hàm lượng chất xám cao, có giá trị cộng thêm lớn. Chuẩn bị thêm nhiều mẫu sản phẩm mới với tính năng cao hơn và có lợi thế cạnh tranh hơn đối với dòng karaoke thông dụng. Phát triển các sản phẩm internet karaoke trên cơ sở điện toán đám mây, tạo tiền đề cho việc phát triển VTB thành công ty công nghệ cao trong vòng từ 3 đến 5 năm nữa.

2/ Tiếp tục khai thác tối đa các nguồn lực của công ty. Nhanh chóng tìm các nguồn thu bổ sung qua hợp tác sản xuất kinh doanh và khai thác các mặt bằng hiện có để có thể đảm bảo hài hòa cho sự phát triển trong tương lai thông qua đầu tư vừa đảm bảo lợi nhuận hiện hữu để đảm bảo cổ tức cho các cổ đông. Tìm cách khai thác mặt bằng 06 Phạm Văn Hai tối ưu trong năm 2014.

3/ Tập trung điều hành các Công ty thành viên, đảm bảo sự phát triển các Công ty thành viên hài hòa theo định hướng của Công ty mẹ, đảm bảo sự điều hành minh bạch và có lợi nhuận cao ở các Công ty thành viên.

4/ Phát triển kinh doanh, tiết giảm chi phí, hướng về công nghệ cao và thương hiệu Quốc gia 2015.

Các mục tiêu lớn trong năm 2014

:

1/ Doanh số bán hàng tăng trưởng 23,7 **%** so với năm 2013.

2/ Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 5,5**%** so với năm 2013.

3/ Đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển và khai thác các tiềm năng hiện có.

Chỉ tiêu của Kế hoạch năm 2014:

1/ Doanh số bán hàng : **220,469** tỷ, đạt **123,7%** so với thực hiện năm 2013.

2/ Lợi nhuận sau thuế : **13,053** tỷ, đạt **105,5 %** so với thực hiện năm 2013.

3/ Cổ tức dự kiến năm 2014 : **10%**/vốn lưu hành.

Năm 2013 là một năm có nhiều khó khăn của cả xã hội nói chung và của VTB nói riêng, tuy nhiên chúng ta đã vượt qua với một kết quả chấp nhận được . Điều quan

trọng là những nỗ lực vừa qua đã tạo được những tiền đề tốt cho tính khả thi của kế hoạch 2014.

Ban lãnh đạo và tập thể nhân viên VTB đã cố gắng nhiều trong năm qua và chắc chắn sẽ cố gắng nhiều hơn nữa trong năm 2014, một năm mà chúng tôi xem rất quan trọng trong việc đi lên của VTB .

Với định hướng phát triển về công nghệ, VTB sẽ tiếp tục phấn đấu trở thành một trong những công ty công nghệ hàng đầu về công nghệ ở Việt Nam trong vòng từ 3 đến 5 năm nữa. Và khi ấy, chúng tôi tin rằng quý vị cổ đông sẽ hài lòng khi đã chọn chúng tôi để đầu tư.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trong năm 2013 Trung tâm nghiên cứu phát triển thực hiện các sản phẩm mới:

- Bắt đầu thực hiện từ tháng 3 cho đến tháng 10 cho ra các sản phẩm Karaoke với tên model CK120, CK130 sử dụng Chip Sunplus SHPE8202RD và internal Wavetable ,model K920 sử dụng Chip Sunplus SHPE8202RD và chip âm thanh SAM2195, bổ sung thêm một số tính năng mới cho Karaoke như tìm kiếm bài hát nhanh, hiển thị bảng xếp hạng cho biết số điểm hát cao nhất trong các lần hát từ vị trí 1 đến 5, …

-Thực hiện từ tháng 1 đến tháng 10 hoàn tất thiết kế model Karaoke CK230HDMI và CK240HDMI ,sử dụng Chip Sunplus SHPE8203H và chip âm thanh SAM2195, ngoài việc bổ sung một số tính năng mới cho karaoke là xem hình ảnh có độ phân giải cao và sắc nét .

-Tháng 3 hoàn thành thiết kế model Karaoke hình ảnh độ nét cao CK370HDMI sử dụng Chip Sunplus SHPE8203H và chip âm thanh SAM2533.

-Tháng 12 hoàn thành phát triển dòng sản phẩm VK nâng cấp từ model VK350 và VK400 với hình ảnh độ phân giải cao FULL HD, âm thanh trung thực như model VK350HDMI, VK400HDMI.

-Cùng với sự hợp tác giữa ta với đối tác Hàn Quốc đã cho ra đời sản phẩm Karaoke model HD9000 FULL HD, có các tính năng như SMART TV, hình ảnh trung thực, đẹp với độ phân giải cao , với hệ điều hành Android có thể lướt web, giải trí trên mạng và nhiều điều thú vị khác.

-Để bắt kịp với thời đại công nghệ thông tin và xu hướng phát triển của thị trường, sản phẩm Android HD karaoke Box cũng đã hoàn thành trong năm này.

-Bên cạnh đó là phần mềm iCloud Karaoke (Android) ứng dụng cho các sản phẩm có hệ điều hành Android cũng đã hoàn thành.

-

Các chuẩn bị và định hướng của VTB cho năm 2014:

- Thị trường hiện nay rất ưa chuộng các dòng sản phẩm FULL HD. Chính vì thế ,ta dựa vào những gì sẵn có và tiếp tục phát triển nâng cấp để cho ra các dòng sản phẩm Karaoke mới với hình ảnh FULL HD 1080p.
- Hệ điều hành Android đang rất phổ biến trong các sản phẩm công nghệ thông tin hiện nay, vì thế các sản phẩm Karaoke mới trong năm 2014 sẽ được tích hợp thêm hệ điều hành Android, có thể hát karaoke trên mạng và một số tính năng nổi bật khác.
- Tiếp tục phát triển sản phẩm Android HD Karaoke Box

- Phát triển và ứng dụng phần mềm iCloud karaoke vào các sản phẩm Karaoke mới.
- Phát triển sản phẩm HD media Player tích hợp thêm các ứng dụng trên mạng như Cloud karaoke, xem phim, xem truyền hình online, youtube, goi điện thoại miễn phí qua các nước châu Âu, châu Mỹ … và chức năng Karaoke Full HD qua ổ cứng HDD.
- Tích hợp phần mềm Karaoke vào Smart TV.

Kinh doanh Bất Động Sản và Văn Phòng cho thuê

+ Tiếp tục duy trì các cơ sở cho thuê hiện có với các đối tác hiện hữu..

+ Hoàn thành hồ sơ pháp lý để khởi công xây dựng khu toà nhà phức hợp bao gồm văn phòng cho thuê, khu kinh doanh thương mại, và khách sạn tại số 6 Phạm Văn Hai. Quận Tân Bình.trong năm 2015

+ Tiến hành các hồ sơ pháp lý để chuyển đổi mục đích sử dụng khu nhà xưởng tại 248A Nơ Trang Long, Q. Bình Thạnh , TP HCM.

+ Tìm đối tác thích hợp khai thác khu đất tại khu công nghiệp Cát Lái, Q.2, TP HCM .

- Đầu tư tài chính

• Tiếp tục duy trì sự góp vốn tại các công ty hiện hữu và đẩy mạnh các hoạt động đồng kiểm soát để hoạt động của các công ty này đạt hiệu quả tốt nhất.

• Mở rộng các dịch vụ có giá trị gia tăng cao để triển khai.

• Tìm kiếm cơ hội đầu tư ở các doanh nghiệp có hiệu quả.

IV/ Báo cáo Hội Đồng Quản trị (nhiệm kỳ 2009- 2013):

Trong thời gian 5 năm qua chúng tôi đã làm được nhiều việc, từ một công ty nhà nước sau cổ phần hóa với nhiều khó khăn từ nhân sự, sản phẩm, hướng kinh doanh … đến nay Công ty CP Viettronics Tân Bình đã có chỗ đứng vững chắc trên thị trường . Các sản phẩm của công ty không chỉ có mặt trên 64 tỉnh thành của Việt Nam mà còn được xuất khẩu đến Mỹ, Cuba và một số nước khác . Bên cạnh đó công ty cũng đã phát triển thêm một số ngành nghề mới để tăng thêm lợi nhuận, đảm bảo hàng năm đều chia cổ tức cho Cổ Đông mặc dù trong những năm gần đây ngành điện tử có sự cạnh tranh quyết liệt từ các tập đoàn đa quốc gia đến các công ty nhập hàng "no name" từ Trung Quốc.

Tổng kết hoạt động của Công ty và nhiệm kỳ 2 HĐQT từ năm 2009 – 2013 như sau :

- ***Về nhân sự :***

Đại Hội đồng Cổ đông Công ty VTB thường niên năm 2009 họp ngày 11/4/2009 đã bầu ra HĐQT nhiệm kỳ 2009-2013 với năm thành viên gồm các ông :

- Ông Lê Ngọc Sơn

- Ông Ngô Văn Vị
- Ông Nguyễn Văn Bảo
- Ông Bùi Kim Khánh
- Ông Vũ Hoàng Chương

HĐQT đã họp và bầu ông Lê Ngọc Sơn là Chủ tịch HĐQT.

Đại hội đồng cổ đông Công ty VTB thường niên năm 2011 họp ngày 19/3/2011 đã miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT đối với Ông Nguyễn Văn Bảo là đại diện phần vốn của TCT CP Điện tử và Tin Học Việt Nam do đến tuổi nghỉ hưu và bầu bổ sung thành viên thay thế là Ông Vũ Dương Ngọc Duy.

Đại Hội đồng Cổ đông công ty VTB thường niên năm 2013 họp ngày 06/4/2013 đã miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT và Chủ tịch HĐQT đối với Ông Lê Ngọc Sơn là đại diện phần vốn của TCT CP Điện tử và Tin Học Việt Nam theo đơn từ nhiệm để nhận nhiệm vụ khác của TCT CP Điện tử và Tin Học Việt Nam và bầu bổ sung thành viên thay thế là Ông Lưu Hoàng Long.

HĐQT đã họp và bầu ông Lưu Hoàng Long là Chủ tịch HĐQT.

- ***Về hoạt động :***

Qua 5 năm hoạt động, HĐQT đã phối hợp tốt với Ban giám đốc thực hiện được nhiều kết quả quan trọng, cụ thể qua các năm như sau :

- **Năm 2009**

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2009 VTB đã đạt được :

1/ Tổng doanh số đạt 135 % so với năm 2008.

2/ Lợi nhuận sau thuế đạt 107 % so với năm 2008.

Các công việc đã thực hiện được trong năm 2009 :

1. Khánh thành Nhà máy Điện Lạnh VTB tại KCN Vĩnh Lộc với tổng mức đầu tư 6,6 triệu USD. Nhà máy được quyết định đầu tư vào tháng 5/2008, khởi công xây dựng tháng 7/2008, khánh thành ngày 27/4/2009. Đây là một quyết định thể hiện sự chuyển hướng kinh doanh , mở rộng ngành nghề và đầu tư chiều sâu .
2. Thành lập Công ty CP CNTT VTB với vốn điều lệ 15 tỷ VNĐ.

Với định hướng xây dựng VTB thành tập đoàn kinh tế đa chức năng , việc thành lập Công ty thành viên CNTT VTB đã góp phần đưa doanh số tăng 65,4% so với 2008, tỷ trọng ngành hàng CNTT chiếm 48,1% trong tổng doanh thu VTB năm 2009.

3. Thành lập Trung tâm Nghiên Cứu Phát Triển VTB :

Với định hướng phát triển rộng sang phát triển chiều sâu, đảm bảo sự phát triển bền vững đủ sức cạnh tranh trong môi trường toàn cầu hóa , HĐQT đã quyết định thành lập Trung tâm NCPT từ tháng 10/2009. Với mục tiêu nghiên cứu ứng dụng các công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch không có hại cho môi trường vào các sản phẩm của VTB.

4. Chính thức sản xuất sản phẩm LCD VTB với thương hiệu Lyra VTB . Với nhiều ưu điểm , tính năng vượt trội , sản phẩm Lyra VTB chiếm thị phần đáng kể và được

tiêu thụ nhiều ở các siêu thị lớn tại Hà Nội và TP HCM. Sản phẩm LCD VTB cùng với sản phẩm Karaoke VTB là những sản phẩm chiến lược của VTB cho thị trường các thành phố lớn.

5. Các chương trình xúc tiến thương mại :

Trong năm VTB cũng đã bắt đầu tham gia các chương trình xúc tiến thương mại với các đối tác nước ngoài, trong đó đã có thỏa thuận bước đầu về việc xuất khẩu tủ lạnh sang Cuba.

6. Trong năm 2009 cũng đã hoàn thành việc di dời công ty JVC về khu CN Vĩnh Lộc để tiến hành dự án 06 Phạm Văn Hai.

- **Năm 2010 :**

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010 VTB đã đạt được :

1/ Tổng doanh số đạt 80 % so với năm 2009.

2/ Lợi nhuận sau thuế đạt 90 % so với năm 2009.

Các công việc đã thực hiện được trong năm 2010 :

1. Công nợ trong bán hàng được cải thiện giảm 26% so với 2009.
2. Triển khai hệ thống phân phối linh kiện CNTT , phát triển lãnh vực thương mại tại VTB.
3. Đẩy mạnh NCPT , phát triển các sản phẩm có hàm lượng nội địa hóa cao, bước đầu nghiên cứu sản phẩm năng lượng tái tạo.
4. Thực hiện việc nghiên cứu thay đổi công năng khu 248A Nơ Trang Long.
5. Sản phẩm Điện Lạnh sản xuất đạt công suất thiết kế .

- **Năm 2011** :

Kết quả năm 2011 VTB đã đạt được :

1/ Tổng doanh số đạt 85 % so với năm 2010.

2/ Lợi nhuận sau thuế đạt 76 % so với năm 2010.

Các công việc đã thực hiện được trong năm 2011 :

Các định hướng chính của Công ty :

1/ Đa dạng ngành hàng, chuyển nhanh sang các lĩnh vực thương mại và dịch vụ.

2/ Ổn định kinh doanh, lấy tiêu chí an toàn làm đầu, tăng tốc nhưng phải vững chắc, không nóng vội.

3/ Phát triển toàn diện, đồng đều, lấy sản xuất các mặt hàng truyền thống làm chủ đạo, phát triển và chuyển hướng sang các ngành hàng tiềm năng như dịch vụ có giá trị gia tăng cao, thương mại, bất động sản.

4/ Từng bước phát triển chiều sâu, làm chủ công nghệ một số sản phẩm truyền thống, nghiên cứu ứng dụng các SP có tính năng vượt trội, thân thiện với môi trường, có hàm lượng chất xám cao.

Kết quả thực hiện các định hướng như sau :

1/ Tiến hành tái cấu trúc Công ty đợt 2 với mục tiêu " Đa dạng ngành hàng, chuyển nhanh sang lĩnh vực thương mại và dịch vụ ".

2/ Thành lập mô hình Công ty mẹ, Công ty con với quy chế quản trị nội bộ chặt chẽ, bảo đảm các Công ty con phát triển năng động, mạnh mẽ, đa dạng dưới sự định hướng và quản trị mọi mặt từ công ty mẹ.

Hiện tại đã thành lập 03 công ty thành viên :

- Công Ty CP CNTT VTB (51% vốn của VTB).
- Công ty CP Vitek-VTB Hà nội (57% vốn của VTB).
- Công Ty CP Vitek-VTB TP HCM (51% vốn của VTB)

3/ Giao quyền tự chủ cho các nhà máy, xưởng sản xuất.

4/ Xuất khẩu lô hàng Tủ lạnh đầu tiên và đàm phán ký kết hợp đồng cho năm 2012.

5/ Hợp tác nghiên cứu ứng dụng về thiết bị y tế với Trung tâm NANO Đại học quốc gia TP HCM.

6/ Nghiên cứu và hợp tác về năng lượng gió.

7/ Triển khai mảng dịch vụ về sửa chữa điện tử, điện lạnh và máy tính.

8/ Thiết lập trung tâm bán lẻ thiết bị CNTT.

9/ Tiếp tục quản lý chặt chẽ về rủi ro, giảm thiểu công nợ xấu, hàng tồn kho, rà soát quy trình mua hàng.

- **Năm 2012 :**

Kết quả năm 2012 VTB đã đạt được :

1/ Tổng doanh số đạt 93 % so với năm 2011.

2/ Lợi nhuận sau thuế đạt 70 % so với năm 2011.

3/ Bước đầu thành công trong việc đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển :

Trong năm đã đưa ra thị trường hơn 10 model mới Karaoke, góp phần rất lớn trong việc VTB đạt doanh số hơn 60 tỷ và lợi nhuận hơn 5.3 tỷ của riêng quý 4/2012.

Các công việc đã thực hiện được trong năm 2012 :

Các mục tiêu và biện pháp lớn đã đề ra trong năm 2012 và kết quả thực hiện như sau như sau:

1/ Tập trung sản xuất kinh doanh những sản phẩm có lợi thế: MIDI Karaoke, Tủ lạnh, tiếp tục cho ra thị trường các loại mẫu mới với tính năng cao hơn và có lợi thế cạnh tranh hơn.

Tập trung vào hai ngành hàng chủ lực là Karaoke và Tủ lạnh. Đối với ngành hàng Karaoke, công ty đã phối hợp với công ty con là Vitek VTB Hà Nội tổ chức những chương trình marketing để làm thị trường mạnh mẽ trong năm ở phía Bắc, kết quả đã bán rất tốt trong thời điểm quý 4/2012 tạo cơ sở cho phát triển mạnh hơn ngành hàng này trong năm 2013. Còn thị trường phía Nam , hiện VTB đang bị cạnh tranh rất lớn từ các thương hiệu quen thuộc như Ariang, California …nên kết quả bán hàng trong năm còn hạn chế, chúng tôi có kế hoạch để xây dựng lại thị trường này trong năm 2013. Về Tủ Lạnh, đã có một bước đột phá tốt trong năm. Tiêu thụ nội địa tăng 5% so với năm 2011 và đã xuất khẩu đươc 6.681 chiếc sang Cuba, bước đầu mở được thị trường có tiềm năng này góp phần nâng sản lượng tủ lạnh 2012 tăng hơn 35% so với 2011.

2/ Trên cơ sở đã thành lập 3 công ty thương mại và 1 đơn vị kinh doanh độc lập, hướng các đơn vị này tập trung sâu vào lĩnh vực thương mại và tổng kết mô hình, có biện pháp trợ giúp để phát triển.

Công ty đã thành lập 4 công ty thành viên hoạt động trên lãnh vực thương mại bao gồm Công ty CP CNTT VTB kinh doanh lãnh vực Công nghệ thông tin, hai Công ty Vitek VTB Hà Nội và Vitek VTB TP HCM chủ yếu kinh doanh sản phẩm VTB và các thương hiệu có liên quan, Công ty JS VTB kinh doanh sản phẩm mang thương hiệu JVC sau khi có quyết định giải thể Công ty JVC Viêt Nam.

Đánh giá hoạt động các công ty Thành viên chúng tôi có thể nêu ra như sau :

- Kết quả hoạt động của 3 Công ty Vitek VTB Hà Nội, Vitek VTB TP HCM và JS VTB là tương đối tốt, lợi nhuận kỳ vọng đạt yêu cầu đề ra và hướng phát triển của các công ty là có, tuy nhiên cũng cần thêm thời gian để có thể khẳng định đặc biệt trong tình hình tương đối khó khăn của những năm sắp tới.
- Đơn vị còn lại là Công ty CNTT VTB hoạt động chưa tốt, ban lãnh đạo của Công ty con thiếu kiểm soát dẫn đến công ty thua lỗ kéo dài từ năm 2011, đến quý 4/2012 chúng tôi đã tiến hành các biện pháp cải tổ, thay thế ban lãnh đạo, thực hiện nhiều biện pháp tái cơ cấu, kết quả đến nay công ty đã bước đầu hết lỗ, hy vọng sẽ có kết quả tốt trong năm 2013.

3/ Thí điểm mô hình cung cấp dịch vụ sửa chữa, nếu thành công sẽ mở rộng.

Về thí điểm mô hình cung cấp dịch vụ sửa chữa, trong năm qua cũng đưa vào thử nghiệm nhưng không thành công vì chi phí lớn, nhưng đầu vào ít không đủ trang trải các chi phí, hiện tại đang tạm dừng.

4/ Ổn định kinh doanh, lấy tiêu chí an toàn làm đầu, tăng tốc nhưng phải vững chắc, không nóng vội.

Mục tiêu của công ty là ổn định kinh doanh, lấy tiêu chí an toàn làm đầu, tăng tốc nhưng phải vững chắc, không nóng vội là đạt yêu cầu, tuy nhiên do thị trường không thuận lợi nên kết quả còn khiêm tốn. Cần quyết liệt hơn để tạo thị trường trong năm 2013.

5/ Trên cơ sở thành lập công ty đầu tư, tập trung nhân lực cho việc khai thác các tài nguyên của VTB trong thời gian tới.

Về việc thành lập công ty đầu tư để tập trung nhân lực cho việc khai thác các tài nguyên của VTB, trong năm do tình hình bất động sản có xu hướng đóng băng kéo dài, các hoạt động về mua bán, cho thuê có nhiều khó khăn do đó Ban Lãnh Đạo Công ty đã quyết định tạm dừng việc thành lập , tuy nhiên vẫn sử dụng cơ cấu tổ chức hiện hữu của VTB để tập trung khai thác các mặt bằng còn trống của VTB, đảm bảo được lợi nhuận từ việc kinh doanh cho thuê văn phòng và kho.

- **Năm 2013** :

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013 VTB đã đạt được :

1/ Tổng doanh số đạt 85 % so với năm 2012.

2/ Lợi nhuận sau thuế đạt 100 % so với năm 2012.

3/ Bước đầu thành công trong việc đẩy mạnh CT nghiên cứu phát triển ;

Đưa ra thị trường hơn 6 model mới Karaoke, Ampli , Loa ,..

Các công việc đã thực hiện được trong năm 2013 :

1/ *Tập trung vào công tác nghiên cứu phát triển :*

Đã tập trung xây dựng Bộ phận nghiên cứu phát trển thành một trong những bộ phận chủ lực của công ty. Bổ sung một thành viên trong Ban Tổng Giám Đốc trực tiếp phụ trách bộ phận này. Các sản phẩm đã định hướng trong đại hội năm 2013 đã thiết kế đi vào giai đoạn cuối, khả năng sẽ đưa ra thị trường vào quý 2-2014. Bên cạnh đó đã tập trung khai thác các sản phẩm do công ty tự thiết kế chính thức thoát khỏi các sản phẩm OEM từ nước ngoài . Đây là thành quả lớn nhất của công ty về phát triển sản phẩm trên triết lý <<Tự hào giá trị Việt >>.

2/ Tập trung khai thác tối đa các nguồn lực hiện có của công ty. :

Ngay từ đầu năm, Công ty đã tập trung khai thác các mặt bằng còn trống tại các địa điểm Vĩnh Lộc, Phạm Văn Hai, Nơ Trang Long, Cát Lái . Mặc dù trong năm có lúc không thuận lợi như khách hàng lớn Sony di chuyển vào cao ốc, Công ty JVC Việt Nam giải thể , Công ty LBC trả lại mặt bằng …. Nhưng với nhiều nỗ lực, hiện nay mặt bằng Vĩnh Lộc đã kín , Phạm văn Hai cũng đã kín, Nơ trang Long gần 90% đã kín, đã khai thác thêm được gần 2000 m2 kho tại Nơ Trang Long , đảm bảo nguồn thu cho năm 2014 . Mặt bằng Cát Lái mặc dù đã ký các bản ghi nhớ hợp tác đầu tư với Công ty Yusen và Sony nhưng do việc thay đổi chủ trương hoạt động từ phía tập đoàn Sony nên dự án này tạm thời ngừng . Hiện nay ban lãnh đạo đang nổ lực tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới.

3/ Xây dựng các quy chế quản lý phù hợp cho các công ty thành viên theo mô hình công ty mẹ - công ty con, đảm bảo sự phát triển các công ty thành viên hài hòa theo định hướng của công ty mẹ, đảm bảo sự điều hành minh bạch và có lợi nhuận cao ở các công ty thành viên.

Đánh giá hoạt động các công ty Thành viên chúng tôi có thể nêu ra như sau :

- Kết quả hoạt động của Công ty JS VTB là tương đối tốt, lợi nhuận kỳ vọng đạt yêu cầu đề ra và hướng phát triển của công ty là có, tuy nhiên cũng cần thêm thời gian để có thể khẳng định đặc biệt trong tình hình tương đối khó khăn của những năm sắp tới . Công ty JS VTB bên cạnh Cty JVC, đã được Công ty đa quốc gia Pioneer chọn là nhà phân phối độc quyền tại Việt Nam, hy vọng đây là bước phát triển mới cho công ty con này.
- Công ty VTB IT bước đầu hồi phục, hoạt động trong năm đã có lãi sau một thời gian dài thua lỗ từ năm 2011, hy vọng sẽ có kết quả tốt trong năm 2014.
- Công ty Vitek VTB HCM hoạt động khó khăn do chi phí cao và doanh số nhỏ do cạnh tranh trên thị trường miền Nam. HĐQT đã quyết định tái cơ cấu theo hướng giải thể , thành lập bộ phận bán hàng trực tiếp từ công ty mẹ để giảm chi phí. Kết quả khả quan hơn, doanh số bán hàng tăng lên nhưng chi phí giảm. Hy vọng năm 2014 kết quả kinh doanh tại thị trường miền Nam sẽ hồi phục.
- Công ty Vitek VTB Hà Nội trong năm hoạt động không tốt, kết quả kinh doanh lỗ do tình hình hoạt động kinh doanh không tốt và một số đầu tư không khả thi, HĐQT đã quyết định tái cơ cấu nhân sự chủ chốt , bước đầu đã ổn định. Kết quả kinh doanh năm 2014 sẽ quyết định các định hướng cho công ty thành viên này vào những năm về sau.

Công ty đã xây dựng quy chế kiểm soát nội bộ và kiểm tra định kỳ các công ty thành viên bên cạnh các đợt kiểm toán 6 tháng và cuối năm, điều này sẽ đảm bảo việc điều hành minh bạch và kết quả tốt tại các công ty thành viên.

4/ Phát triển kinh doanh, tiết giảm chi phí, hướng về công nghệ cao và thương hiệu Quốc gia 2015.

Mục tiêu của công ty là ổn định kinh doanh, lấy tiêu chí an toàn làm đầu, tăng tốc nhưng phải vững chắc, không nóng vội . Các chính sách phát triển công ty hướng vào mục tiêu phát triển bền vững do đó tập trung đầu tư vào công nghệ cao nhưng vẫn đảm bảo mục tiêu lợi nhuận, theo đuổi mục tiêu thương hiệu quốc gia vào năm 2015 .

Qua 5 năm nhiệm kỳ 2009 - 2013 , HĐQT công ty CP Viettronics Tân Bình đã xây dựng công ty theo 3 định hướng lớn là Công nghệ, Bất động sản và kinh doanh tài chính , trong đó công nghệ là hướng đi then chốt và định hướng lâu dài của công ty.
Tiếp tục định hướng này , kế hoạch cho 5 năm tiếp theo 2014 – 2018. Về công nghệ, Công ty Viettronics Tân Bình sẽ tiếp tục phát huy những thế mạnh trong nghiên cứu phát triển sản phẩm mới , đặc biệt những dòng sản phẩm có hàm lượng chất xám cao, giá trị cộng thêm lớn, bên cạnh đó sẽ tập trung khai thác các thế mạnh về bất động sản hiện có của công ty như mặt bằng 06 Phạm Văn Hai, mặt bằng Cát Lái , mặt bằng Vĩnh Lộc và 248A Nơ Trang Long, chuyên môn hóa và sử dụng tối ưu thế mạnh của các Công ty thành viên để đẩy mạnh việc bán hàng không chỉ các sản phẩm mang thương hiệu VTB mà còn các sản phẩm độc quyền phân phối như JVC, Pioneer …

Kế hoạch SXKD dự kiến cho những năm tiếp theo như sau :

- Năm 2014 :
  Doanh số dự kiến : 220 tỷ , Lợi nhuận sau thuế dự kiến : 13 tỷ

- Năm 2015 :
  Doanh số dự kiến : 245 tỷ , Lợi nhuận sau thuế dự kiến : 14 tỷ

- Năm 2016 :
  Doanh số dự kiến : 270 tỷ , Lợi nhuận sau thuế dự kiến : 15 tỷ

- Năm 2017 :
  Doanh số dự kiến : 300 tỷ , Lợi nhuận sau thuế dự kiến : 16 tỷ

- Năm 2018 :
  Doanh số dự kiến : 330 tỷ , Lợi nhuận sau thuế dự kiến : 17 tỷ

Những mục tiêu lớn trong nhiệm kỳ 2014 - 2018

1. Tập trung phát triển công nghệ ứng dụng và các sản phẩm có hàm lượng chất xám cao, giá trị cộng thêm lớn trên các lãnh vực điện tử , điện lạnh và công nghệ thông tin , nâng cao độ nhận biết thương hiệu VTB và các thương hiệu có liên quan trên thị trường . Hướng vào mục tiêu thương hiệu quốc gia trong thời gian ngắn nhất.
2. Phát triển mặt hàng điện gia dụng với muc tiêu nằm trong top 10 thương hiệu điện gia dụng tại thị trường Việt Nam trong vòng 3 - 5 năm.
3. Nghiên cứu khả thi các sản phẩm thân thiện môi trường, sản phẩm năng lượng xanh , năng lượng tái tạo.

4. Triển khai dự án 06 Phạm Văn Hai , dự án Cát Lái , dự án 248A Nơ Trang Long nhanh chóng và tối ưu theo tình hình thị trường . Nâng cao hiệu quả đầu tư sử dụng đất .

5. Tái cấu trúc và phát triển các Công ty thành viên theo định hướng của Công ty VTB , khai thác các thương hiệu nước ngoài độc quyền, tạo ưu thế cho thương hiệu VTB và các thương hiệu có liên quan trên thị trường trong nước và xuất khẩu.

6. Liên kết phát triển đồng bộ có định hướng dưới sự chỉ đạo của TCT CP Điện tử và Tin Học Việt Nam trong chuỗi cung ứng sản phẩm gia dụng với các Công ty thành viện của Tổng Công ty.

Nhiệm kỳ 2009 - 2013 HĐQT đã thực hiện được nhiều điều trong bối cảnh 5 năm qua có nhiều khó khăn của cả xã hội nói chung và của VTB nói riêng, VTB đã vượt qua với kết quả chấp nhận được . Điều quan trọng là những nỗ lực vừa qua đã tạo được những tiền đề tốt cho tính khả thi của việc thực hiện các mục tiêu quan trọng của nhiệm kỳ 2014 - 2018.

Hội đồng Quản Trị, Ban lãnh đạo và tập thể nhân viên VTB đã cố gắng nhiều trong nhiệm kỳ qua và chắc chắn sẽ cố gắng nhiều hơn nữa trong 5 năm nhiệm kỳ 2014 - 2018, nhiệm kỳ mà chúng tôi xem rất quan trọng trong việc đi lên của VTB.

IV Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị:

1. Lưu Hoàng Long	Chủ tịch Hội Đồng quản trị
2. Ngô Văn Vị	Thành viên Hội đồng Quản trị
3. Vũ Hoàng Chương	Thành viên Hội đồng quản trị
4. Bùi Kim Khánh	Thành viên Hội đồng quản trị
5. Vũ Dương Ngọc Duy	Thành viên Hội đồng quản trị

Hoạt động của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm)**:**

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Lưu Hoàng Long	Chủ tịch	4	100%	
2	Ngô Văn Vị	Thành viên	4	100%	
3	Vũ Hoàng Chương	Thành viên	4	100%	
4	Vũ Dương Ngọc Duy	Thành viên	4	100%	
5	Bùi Kim Khánh	Thành viên	4	100%	

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc):

1. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc):

HĐQT đã thực hiện 3 cuộc họp từ đầu năm 2013 đến nay
Sau đây là tóm tắt các nội dung biên bản cuộc họp và nghị quyết :

a/ *Nội dung họp ngày 25/01/2013:*

Ông Vũ dương ngọc Duy – Tổng Giám đốc công ty báo cáo các nội dung như sau :

* Doanh thu và lợi nhuận 2012
* Báo cáo dự kiến doanh thu và lợi nhuận 2013
* Báo cáo xin chủ trương tạm trích quỹ khen thưởng PL 2012 và dự kiến chia Cổ tức 2012 của VTB
* Báo cáo dự án Cát lái , Nơ Trang Long

** Dự án Cát Lái :

- VTB và Yusen đã bàn bạc với nhau qua nhiều cuộc họp từ đầu tháng 10/2012 về MOU, Hợp đồng , tiền đặt cọc , thiết kế , hạn cuối cùng bàn giao nhà kho ….
- Đến nay VTB và Yusen đã ký MOU
- các công việc cần làm :
  + Xin giấy phép xây dựng từ HEPZA
  + Thành lập BQLDA Cát Lái
  + Đấu thầu thiết kế
  + Đấu thầu xây dựng.

** Dự án Nơ Trang Long :

+ Đã ký HĐ thực hiện tách thửa .
+ Đã nhận được công văn chính thức của đơn vị ký HĐ với nội dung đề nghị chuyễn hướng .

* Báo cáo tình hình SXKD 2012 và dự kiến KH 2013, dự kiến chia cổ tức 2012 của các Công ty Thành Viên.
* Báo cáo về chủ trương lương thưởng 2013

Kết luận:

Đối với dự án Cát lái , HĐQT quyết định thành lập Ban Quản lý dự án bao gồm 4 thành viên :

1. Ông Vũ dương ngọc Duy - Trưởng ban
2. Ông Bùi kim Khánh - thành viên
3. Ông Đào trung Thanh- thành viên
4. Ông Nguyễn Bông- thành viên

Ban QLDA có trách nhiệm thực hiện các chức trách nhiệm vụ trong quyết định thành lập và tiến hành thực hiện ngay các nhiệm vụ đề đảm bảo tiến độ của dự án Cát Lái.

b/ *Nội dung họp ngày 06/05/2013*:

b1) *Ông Lê ngọc Sơn báo cáo kế hoạch thay đổi nhân sự Thành viên HĐQT VTB nhiệm kỳ 2009-2013 với các nội dung như sau :*

- Do yêu cầu thay đổi người Đại diện Vốn của Cô đông Tổng Công ty CP Điện tử và Tin Học Việt nam và có đơn xin từ nhiệm của ông Lê Ngọc Sơn TV kiêm CT HĐQT với lý do Công Tác và cá nhân ,

- Theo Giấy đề cử ngày 29/3/2013, Cổ đông Tổng Công ty CP Điện tử và Tin Học Việt nam sở hữu 6.654.960 cổ phần chiếm tỷ lệ 61.09 % cổ phiếu lưu hành giới thiệu ông Lưu Hoàng Long hiện là Thành Viên HĐQT kiêm TGĐ Tổng Công ty CP Điện tử và Tin Học Việt nam tham gia ứng cử vào HĐQT Công ty CP Viettronics Tân Bình.

b2) *Ông Vũ dương ngọc Duy –Tổng Giám đốc công ty báo cáo các nội dung như sau :*

+ Báo cáo thực hiện SXKD Quý 1 năm 2013.
+ Báo cáo tình hình SXKD Quý 1-2013 của các Công ty Thành Viên
+ DỰ ÁN CÁT LÁI

- Đã thực hiện xong thiết kế- đang tiến hành thẩm định.
- Đã đấu thầu và chọn được công ty tư vấn đấu thầu và giám sát thi công – chờ thẩm định thiết kế xong sẽ tiến hành đấu thầu chon đơn vị thi công.

- Đang tiến hành ép cọc thử để lấy thông số hoàn chỉnh thiết kế và đấu thầu ép cọc đại trà.
- Đã thương lượng dứt điểm với công ty Lộc An về bàn giao mặt bằng.
- Đã thông báo chính thức với Công ty Yusen và Sony về việc tiến độ sẽ chậm 2 tháng.
- Đã thông qua các bước Cam kết môi trường , PCCC hiện đang chờ GPXD chính thức của HEPZA.

c/ *Nội dung họp ngày 06/05/2013*:

HĐQT đã thống nhất nội dung họp và đưa ra 5 nghị quyết như sau :

1. Dự án Đầu tư xây dựng công trình VTB Cát Lái

a) Thống nhất chủ trương tiếp tục đầu tư dự án Cát Lái đã được Hội đồng Quản trị đã phê duyệt. Giai đoạn 1 của dự án: Thống nhất chủ trương xây dựng khu Nhà xưởng kiêm Kho của dự án như đề xuất của Giám đốc công ty;

b) Giao Giám đốc công ty chỉ đạo lập dự án khả thi giai đoạn 1 trình HĐQT phê duyệt chính thức làm cơ sở để triển khai thực hiện; Đồng thời thực các việc sau:

- Làm việc với Sony & Yusen để có sự thống nhất về Thiết kế của nhà xưởng giai đoạn 1 làm cơ sở để phê duyệt Thiết kế kỹ thuật của dự án đầu tư;
- Làm việc, ký kết biên bản ghi nhớ với ngân hàng và các tổ chức thu xếp vốn để đảm bảo nguồn vốn cho dự án với điều kiện tài sản đảm bảo chính là tài sản hình thành từ vốn vay, xác định rõ điều kiện vay làm cơ sở để tính toán các chỉ tiêu hiệu quả dự án;
- Làm việc với các đối tác liên quan để chứng minh tính khả thi của dự án;

c) Tổ chức thẩm định dự án, thẩm định thiết kế, thẩm định dự toán và các nội dung khác có liên quan theo quy định của pháp luật;

d) Dự kiến kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu trình Hội đồng Quản trị phê duyệt làm cơ sở để tổ chức thực hiện;

2. Công tác tổ chức, nhân sự

a) Nhất trí miễn nhiệm chức Phó Tổng giám đốc Công ty CP VIETTRONICS Tân Bình của Ông Nghiêm Xuân;

Đồng thời giao Tổng Giám đốc công ty có văn bản chỉ đạo người đại diện của công ty tại Công ty Cổ phần Vitek VTB Hà Nội có ý kiến với Hội đồng Quản trị Công ty Vitek VTB Hà Nội để miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty Cổ phần Vitek VTB Hà Nội của ông Nghiêm Xuân Vân để chuyển công tác về Tổng Công Ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

Giao Tổng giám đốc công ty chỉ đạo các bộ phận chức năng của công ty hoàn tất các thủ tục liên quan theo quy định của pháp luật để ông Nghiêm Xuân Vân chuyển công tác về Tổng công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

b) Nhất trí chủ trương bổ nhiệm Ông Hoàng Lê Quân làm Phụ trách Công ty Cổ phần Vitek VTB Hà Nội thay thế Ông Nghiêm Xuân Vân theo đề xuất của Tổng giám đốc công ty. Giao Tổng giám đốc công ty có văn bản chỉ đạo người đại diện vốn của VTB tại công ty CP Vitek VTB Hà Nội và các bộ phận chức năng của công ty cổ phần Viettronics Tân Bình tổ chức thực hiện việc bổ nhiệm ông Lê Hoàng Quân đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

c) Đối với các đề nghị khác của Tổng Giám đốc công ty, Hội đồng Quản trị giao Tổng giám đốc công ty thực hiện các nội dung sau:

- Xây dựng quy chế tổ chức bộ máy của công ty theo hướng thu gọn đầu mối, quy định mối liên hệ giữa công ty và các công ty thành viên có vốn góp của công ty trình Hội đồng quản trị phê duyệt;
- Lập hệ thống chức danh của công ty, trong đó có số lượng các Phó Tổng giám đốc kèm theo bảng mô tả công việc của các Phó tổng giám đốc cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm của từng vị trí, phù hợp với quy chế tổ chức bộ máy của công ty trình Hội đồng quản trị phê duyệt;
- Xây dựng quy chế người đại diện của công ty, xây dựng quy định về quản lý vốn đầu tư của VTB tại đơn vị khác.

Dự thảo các quy định trên yêu cầu lấy ý kiến rộng rãi trong toàn công ty trước khi trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

3. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý 1 năm 2013

- Ghi nhận các báo cáo kết quả SXKD 4 tháng đầu năm 2013 của VTB do TGĐ Công ty trình bày, yêu cầu Tổng giám đốc tiếp tục chỉ đạo để thực hiện kế hoạch SXKD đề ra.

- Ghi nhận báo cáo kết quả SXKD 4 tháng đầu năm 2013 của các công ty thành viên do Tổng giám đốc báo cáo (Các báo cáo này trong Biên bản họp HĐQT đính kèm). Yêu cầu Tổng giám đốc chỉ đạo người đại diện vốn của VTB tại các công ty thành viên có ý kiến với Hội đồng quản trị và ban điều hành đảm bảo các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

4. Công tác chuẩn bị đại hội thường niên năm 2013 của các công ty có vốn góp của công ty VTB

- Giao Tổng giám đốc làm việc với người đại diện vốn của VTB tại các Công ty thành viên để chuẩn bị nội dung Đại hội thường niên năm 2013 báo cáo Hội đồng Quản trị công ty trước khi tổ chức đại hội.

- Giao Tổng giám đốc làm việc với người đại diện vốn của VTB tại các công ty có vốn góp của VTB báo cáo kết quả đại hội thường niên năm 2013 của các công ty đã tổ chức đại hội.

5. Công việc liên quan đến công ty JVC Việt Nam

Giao cho Tổng giám đốc làm việc với JVC Việt Nam để rút vốn và chia lợi nhuận còn lại cho VTB hợp lý.

d/ *Nội dung họp tháng 12/2013*:

1./ Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013.
2./ Báo cáo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014.
3./ Sơ đồ tổ chức VTB 2014 , kế hoạch nhân sự và chi phí công ty năm 2014.
4./ Báo cáo dự kiến trích quỹ KTPL 2014.
5./ Báo cáo tình hình các dự án: Cát Lái, Nơ Trang Long
6./ Báo cáo ước kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 , tình hình tái cơ cấu và hoạt động của các công ty thành viên năm 2013 và kế hoạch năm 2014.
8. / Các việc khác.

1./ Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013.

Kế hoạch 2014 : Năm 2013 đã cố gắng phủ kín mặt bằng cho thuê , năm 2014 bắt đầu đưa vào khai thác

- Tủ lạnh nội địa và xuất khẩu sẽ hy vọng doanh thu tăng
- Tung ra thị trường sản phẩm mới là nồi cơm điện nhưng thực chất đó là một số chủng loại điện gia dụng
- Tăng cường doanh thu ampli và loa.

2 / Sơ đồ tổ chức :

Theo yêu cầu công việc , cơ cấu tổ chức của VTB có thay đổi chút ít để tăng hiệu quả hoạt động và bổ sung thêm một cán bộ lãnh đạo vào Ban Tổng Giám Đốc phụ trách Công tác Nghiên cứu Phát Triển.

Các đề xuất cụ thể :

- Bổ nhiệm anh Trang văn Hưng hiện là Giám Đốc Bộ Phận Nghiên Cứu Phát Triển vào Chức vụ Phó tổng Giám Đốc . Phân công trực tiếp phụ trách Nghiên cứu Phát triển và sản Phẩm Mới của Công ty.
- Bổ nhiệm chính thức anh Bùi sỹ Thái làm Giám Đốc Nhà Máy Điện Lạnh sau 1 năm thử thách ở cương vị Quyền Giám Đốc.

- Bổ nhiệm Chị Nguyễn thị Xuân Trang là trợ lý giám đốc phụ trách phát triển VP cho thuê và một số công việc khác.
- Bổ nhiệm anh Nguyễn văn Hoàng là trưởng phòng phụ trách Dự án IT .
- Bổ nhiệm anh Huỳnh văn Chính là trưởng phòng Cơ điện

3 / Kế hoạch nhân sự :

Ngay từ đầu năm 2013 trở đi chủ trương của Ban giám đốc là liên tục rà soát lại nhân sự

Công ty cho hợp lý hơn cụ thể là :

- Điều chuyển nhân sự từ các phòng ban thừa sang các phòng ban thiếu, hợp lý hóa công việc của từng bộ phận.
- Trong năm 2013 đã tuyển thêm 03 nhân sự cho bộ phận R&D để tăng cường công tác nghiên cứu phát triển ngành hàng chủ lực mang lại lợi nhuận cho Công ty.
- Đầu năm 2013 đã có kế hoạch giảm nhân sự ở Xưởng AV và Xưởng PC. Tuy nhiên thực tế chỉ giảm được 3 người do công việc vào cuối năm gia tăng . Riêng Xưởng Điện Lạnh đã tiết giảm tối đa nhân sự, xưởng sản xuất chủ trương tuyển công nhân thời vụ khi có kế hoạch sản xuất.

- Thêm một khó khăn nữa là lợi nhuận dự tính của hoạt động tài chính năm 2014 sẽ giảm nhiều so với năm 2013. Nguyên nhân là do lượng tiền gửi giảm mạnh do chính sách doanh nghiệp không được vay USD (lãi suất thấp) phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh như những năm trước , bên cạnh đó lãi suất ngân hàng cũng giảm mạnh chỉ còn 7.5% so với 11% của 2013.

→ Chính những khó khăn trên, Ban lãnh đạo công ty xây dựng và cân nhắc thật kỹ chi phí sử dụng cho năm 2014 nhằm mục đích đạt được lợi nhuận đã xây dựng.

* Kế hoạch chi phí năm 2014 là 41,8 tỷ đồng/ 38,7 tỷ đồng (UTH 2013)
- Chi phí sản xuất năm 2014 là 6,8 tỷ đồng/ 6,4 tỷ đồng (UTH 2013).
- Chi phí khấu hao, bảo hành, vận chuyển, phí thuê đất, mua hàng, quản lý, sales, CP khác,….năm 2014 là 35,0 tỷ đồng/ 32,3 tỷ đồng (UTH 2013).

4/ Kế hoạch chi phí 2014

- Năm 2014 sẽ tiếp tục là năm đầy khó khăn, có một số ngành hàng doanh thu và lợi nhuận giảm nhiều chẳng hạn như Cho thuê văn phòng, năm 2014 doanh thu và lợi nhuận giảm là do có một số khách hàng chủ lực như Sony, Best Buy trả lại nhà kho, văn phòng và một số khách hàng nữa có khả năng sẽ trả lại văn phòng cho VTB vào những tháng đầu năm 2014 như Best Buy do không trả được tiền thuê. Tiền thuê đất sẽ được tiếp tục giảm 50% tuy nhiên tổng số tiền phải đóng vẫn tăng nhiều so với những năm trước (4,5 tỷ so với 2,9 tỷ).

5./ Báo cáo dự kiến trích các quỹ và chia cổ tức năm 2013 (Công ty VTB) :

+ Lợi nhuận sau thuế 2013 : 12.138 triệu đồng.
+ Quỹ KTPL 8% : 971 triệu đồng.
+ Quỹ NCPT 5% : 607 triệu đồng.
+ Quỹ dự phòng tài chính 20% : 2.427 triệu đồng
(Quỹ DPTC còn lại cuối 2012 là 3.994 triệu đồng)
+ Thù lao HĐQT và BKSoát : 174 triệu đồng.
+ Lợi nhuận còn lại : 7.958 triệu đồng.
+ Chia cổ tức 2013 (5%) : 5.402 triệu đồng.
+ Lợi nhuận để lại : 2.556 triệu đồng

6./ Báo cáo ước kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 và kế hoạch SXKD 2014: (Các công ty thành viên)

6.1 . VITEK VTB TP HCM

Doanh thu và lợi nhuận 11 tháng năm 2013 Cty Vitek VTB HCM :

+ Doanh thu 2013 : 38,87 tỷ đồng.
Kế hoạch 2013 : 74,00 tỷ đồng.
→ Đạt 52,53 %

+ Lợi nhuận sau thuế 2013 : 0,49 tỷ đồng.
Kế hoạch 2013 : 1,05 tỷ đồng .
→ Đạt 46,59 %

6.2/ Cty CNTT VTB

Ước doanh thu và lợi nhuận Cty CP CNTT VTB 2013 :

+ Ước doanh thu 2013 : 20,60 tỷ đồng.
Kế hoạch 2013 : 30,00 tỷ đồng.
→ Đạt 68,67 %

+ Ước lợi nhuận sau thuế 2013 : 0,19 tỷ đồng.
Kế hoạch 2013 : 0,23 tỷ đồng .
→ Đạt 84,69 %

KH doanh thu và lợi nhuận Cty CP CNTT VTB 2014:

+ Kế hoạch doanh thu 2014: 25,00 tỷ đồng.
Doanh thu ước 2013 : 20,60 tỷ đồng .
→ Tỷ lệ tăng 21,36 %

+ Kế hoạch lợi nhuận sau thuế 2014 : 0,26 tỷ đồng.
Lợi nhuận sau thuế ước 2013 : 0,19 tỷ đồng.
→ Tỷ lệ tăng 34,62 %

6.3 / JS VTB

Ước doanh thu và lợi nhuận Cty CP JS VTB 2013 :

+ Ước doanh thu 2013 : 19,78 tỷ đồng.
Kế hoạch 2013 : 27,34 tỷ đồng.
→ Đạt 72,36 %

+ Ước lợi nhuận sau thuế 2013 : 1,49 tỷ đồng.
Kế hoạch 2013 : 1,67 tỷ đồng .
→ Đạt 88,88 %

KH doanh thu và lợi nhuận Cty CP JS VTB 2014:

+ Kế hoạch doanh thu 2014: 23,52 tỷ đồng.
Doanh thu ước 2013 : 19,78 tỷ đồng .
→ Tỷ lệ tăng 18,88 %

+ Kế hoạch lợi nhuận sau thuế 2014 : 0,65 tỷ đồng.
Lợi nhuận sau thuế ước 2013 : 1,49 tỷ đồng .

6.4 / VITEK HN

Ước doanh thu và lợi nhuận Cty VITEK VTB HN 2013

+ Ước doanh thu 2013 : 68,74 tỷ đồng.
Kế hoạch 2013 : 70,60 tỷ đồng.
→ Đạt 97,38 %

+ Ước lợi nhuận sau thuế 2013 : - 0,14 tỷ đồng.
Kế hoạch 2013 : 2,14 tỷ đồng.
→ Đạt - 6,76 %

KH doanh thu và lợi nhuận Cty Vitek VTB HN 2014:

+ Kế hoạch doanh thu 2014: 76,86 tỷ đồng.
Doanh thu ước 2013 : 68,74 tỷ đồng .
→ Tỷ lệ tăng 11,8 %

+ Kế hoạch lợi nhuận sau thuế 2014 : 1,63 tỷ đồng.
Lợi nhuận sau thuế ước 2013 : - 0,14 tỷ đồng .

7. Báo cáo tình hình các dự án :

7.1 / Báo cáo dự án Cát Lái:

- Các công việc đã làm :
+ Xin giấy phép xây dựng từ HEPZA
+ Thành lập BQLDA Cát Lái
+ Đấu thầu thiết kế , tư vấn giám sát
+ Đã thông qua chủ trương đầu tư với TCT va HĐQT
- Hiện dự án đang tìm kiếm đối tác mới sau khi Yusen và Sony không tiếp tục do chính sách của Tập Đoàn Sony.

Hiện đang có đối tác muốn thuê Vĩnh Lộc (nhà máy điện lạnh) nên đang nghiên cứu phương án chuyển nhà máy về Cát lái và cho thuê phần còn lại .

7.2 / Báo cáo dự án tách thửa Nơ Trang Long:

- Đề nghị tách làm 2 thửa : thửa 1 khoảng 1.500m2 chiếm phần mặt tiền , thửa 2 : 21.900 m2 phần còn lại.

Thửa 1 sẽ thuê với giá mặt tiền VP : 437,000 đ /m2
Xuong: 346,000 đ/m2 .
Thửa 2 sẽ thuê trả giá đất hẻm (bằng khoảng 50% giá mặt tiền) .
Tổng tiền thuê đất hàng năm sau khi tách là 4,561,255,000 đ
Giảm so với không tách thửa là 8,479,180,208-4,561,255,000
= *3,917,925,208* đ
Chi phí để tách thửa là 2.7 tỷ (theo báo giá 2012)

- TT đã có quyết định 02/NQ – TTg ký ngày 7/1/2013 cho phép giảm 50% tiền thuê đất trong 2 năm 2013-2014 .
Do đó tiền thuê nếu không tách chỉ còn: 8,479,180,208/2
= 4,239,590,104 đ
Nếu tách thửa sẽ không có căn cứ để giảm theo QĐ 02 !(Quy định chỉ miễn giảm nếu tổng tiền thuê tại khu đất tính theo cách tính mới cao hơn hai lần tiền thuê khu đất năm 2010, nếu tách thửa thì đây là tính toán mới không có cơ sở so sánh !)
Do đó quyết định chỉ tách thửa khi không còn miễn giảm theo QĐ 02 của TT - có khả năng từ 2015 . Do đó 6 tháng cuối năm 2014 sẽ xem xét vấn đề nầy và trình HĐQT .

Tình hình cho thuê : đã ký hợp đồng với công ty ASMARA để cho thuê mặt bằng Sony cũ

Hoạt động của Ban kiểm soát

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát:

1. Nguyễn Thị Vi Minh	Trưởng Ban Kiểm soát
2. Nguyễn Thị Thùy Linh	Kiểm soát viên

3. Huỳnh Văn Đức Kiểm soát viên.

I-A/ Cơ cấu tổ chức của Công ty:

- Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình gồm có 04 Công ty con cụ thể như sau:

1/ Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB (viết tắt: VTB IT JSC):

+ Vốn điều lệ theo giấy phép: 15.000.000.000 đồng, trong đó:
- Công ty VTB: chiếm 51% tương đương 7.650.000.000 đồng.

+ Vốn thực đóng góp: 6.177.000.000 đồng, trong đó:
- Công ty VTB: chiếm 51% tương đương 3.150.300.000 đồng.

+ Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh các mặt hàng thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin.

2/ Công ty Cổ phần Vitek VTB TPHCM (viết tắt: VITEK VTB TPHCM JSC):

+ Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng, trong đó:
- Công ty VTB: chiếm 51% tương đương 3.060.000.000 đồng.

+ Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh các mặt hàng Karaoke, điện lạnh, dịch vụ bảo hành...

3/ Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB (viết tắt: JS VTB):

+ Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng, trong đó:
- Công ty VTB: chiếm 70% tương đương 3.500.000.000 đồng.

+ Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh các mặt hàng mang nhãn hiệu JVC, phát triển dịch vụ bảo hành các sản phẩm JVC.

4/ Công ty Cổ phần Vitek VTB Hà Nội.

+ Vốn điều lệ: 5.340.000.000 đồng, trong đó:
- Công ty VTB: chiếm 57,3% tương đương 3.060.000.000 đồng.

+ Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh các mặt hàng điện, điện tử, điện lạnh, tin học,..

➢ Tuy nhiên, trong năm 2013, Công ty CP Vitek VTB TP.HCM, hoạt động kém hiệu quả. Vì vậy, tại phiên họp HĐQT ngày 05/8/2013, Hội đồng Quản trị đã quyết định tái cấu trúc lại Công ty này theo hướng giải thể và thành lập phòng bán hàng tại Công ty VTB để giảm chi phí.

II- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013:

- Kết quả kinh doanh năm 2013 của Công ty VTB được thể hiện qua các chỉ tiêu như sau:

1/ Báo cáo riêng của VTB:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	KH năm 2013	TH năm 2013	Tỉ lệ TH/KH2013
1	- Tổng doanh thu	215.408	178.238	82,7%
2	- Tổng lợi nhuận sau thuế	12.000	12.378	103,2%

2/ Báo cáo hợp nhất của VTB:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	KH năm 2013	TH năm 2013	Tỉ lệ TH/KH2013
1	- Tổng doanh thu	215.408	218.689	101,5%
2	- Tổng lợi nhuận sau thuế	14.055	13.905	99,0%

II- Một số chỉ tiêu cơ bản trong báo cáo tài chính năm 2013:

- Phải thu của khách hàng: 42.615.792.561 đồng
- Phải thu khác: 3.012.175.473 đồng
- Phải trả cho khách hàng: 10.939.857.898 đồng
- Phải trả, phải nộp khác: 7.832.040.290 đồng
- Ứng trước cho người bán: 8.626.537.942 đồng
- Đầu tư tài chính ngắn hạn: 68.799.043.918 đồng
- Hàng tồn kho: 54.081.455.659 đồng

III- Các Dự án đầu tư:

- ***Dự án đầu tư số 6 Phạm Văn Hai:*** Hiện tại Công ty vẫn chưa triển khai thực hiện do chủ quyền sử dụng đất tại số 6 Phạm Văn Hai chưa hoàn thiện và tình hình Bất động sản đang đóng băng, đầu tư sẽ không hiệu quả. Hiện tại Công ty đang sử dụng mặt bằng này cho thuê để tăng thêm lợi nhuận.

- ***Dự án Nhà máy tại Khu Công nghiệp Cát Lái:*** Tại phiên họp HĐQT ngày 05/08/2013, HĐQT đã ra nghị quyết phê duyệt thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình VTB Cát Lái. Tuy nhiên, hiện nay tình hình bất động sản vẫn còn gặp nhiều khó khăn, xét thấy việc triển khai dự án không mang lại hiệu quả nên HĐQT quyết định tạm ngưng, chờ thị trường thuận lợi sẽ triển khai.

3.Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát :

Chi trong năm 2013 các khoản phụ cấp cho Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát là : 178.000.000đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng Thù lao
1	**LÊ NGỌC SƠN** (Ngày 06/04/2013 từ nhiệm)	Chủ Tịch HĐQT	**16,000,000**
2	**LƯU HOÀNG LONG**	Chủ Tịch HĐQT	**36,000,000**
3	**NGÔ VĂN VỊ**	Uỷ Viên	**24,000,000**
4	**BÙI KIM KHÁNH**	Uỷ Viên	**24,000,000**
5	**VŨ HOÀNG CHƯƠNG**	Uỷ Viên	**24,000,000**
6	**VŨ DƯƠNG NGỌC DUY**	Uỷ Viên	**24,000,000**

BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng Thù lao
1	**NGUYỄN THỊ VI MINH**	Trưởng BKS	**18,000,000**
2	**HUỲNH VĂN ĐỨC**	Uỷ Viên	**6,000,000**
3	**TRƯƠNG THỊ THÙY LINH**	Uỷ Viên	**6,000,000**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Đính kèm báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán)

TP. Hồ Chí Minh, ***ngày 19 tháng 3 năm 2014.***

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tầng 4 - 168 Đường Láng, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84-4 3577 0781 / Fax: +84-4 3577 0787
www.vaco.com.vn / vacohn@vaco.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	**Chức vụ**	
Ông Lưu Hoàng Long	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 06/04/2013
Ông Lê Ngọc Sơn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 06/04/2013
Ông Ngô Văn Vị	Ủy viên	
Ông Vũ Dương Ngọc Duy	Ủy viên	
Ông Bùi Kim Khánh	Ủy viên	
Ông Vũ Hoàng Chương	Ủy viên	

Ban Giám đốc	**Chức vụ**	
Ông Vũ Dương Ngọc Duy	Tổng Giám đốc	
Ông Nghiêm Xuân Vân	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10/05/2013
Ông Vũ Hoàng Chương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trang Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25/02/2014

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0300391837 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH - Q. BÌNH THẠNH - TP. HỒ CHÍ MINH

Vũ Dương Ngọc Duy
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tầng 4, 168 Đường Láng, Đống Đa, Hà Nội
ĐT: (84-4) 3577 0781; Fax: (84-4) 3577 0787
Email: vacohn@vaco.com.vn
Website: www.vaco.com.vn

Số: 032/VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12/03/2014, từ trang 04 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2012 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác và đã phát hành Báo cáo kiểm toán số 114/BCKT-TC ngày 13/03/2013 với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Như trình bày tại thuyết minh số 06 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, khoản ủy thác đầu tư từ năm 2007 vào Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Thành Việt (Thành Việt) với giá trị là 10.000.000.000 đồng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đang tiếp tục làm việc với Thành Việt và cơ quan có thẩm quyền để thu hồi khoản đầu tư này.

Nguyễn Đức Tiến	**Chử Mạnh Hoan**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0517-2013-156-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1403-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01 – DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	**100**		**199.282.573.347**	**186.382.459.648**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	5	**7.514.548.785**	**20.686.399.571**
1. Tiền	111		6.764.548.785	12.886.399.571
2. Các khoản tương đương tiền	112		750.000.000	7.800.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**68.807.043.918**	**70.518.202.000**
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	71.807.043.918	70.518.202.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(3.000.000.000)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**42.747.918.745**	**41.792.839.609**
1. Phải thu khách hàng	131		31.551.997.287	34.476.129.124
2. Trả trước cho người bán	132		9.078.628.381	7.730.633.281
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135		3.169.910.611	504.534.921
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.052.617.534)	(918.457.717)
IV. Hàng tồn kho	**140**	7	**74.565.640.630**	**49.388.675.517**
1. Hàng tồn kho	141		75.005.521.642	49.388.675.517
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(439.881.012)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**5.647.421.269**	**3.996.342.951**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		545.409.414	873.140.177
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.936.123.629	1.509.460.016
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		377.556.838	70.472.088
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	1.788.331.388	1.543.270.670
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	**200**		**69.224.599.199**	**79.201.507.985**
I. Tài sản cố định	**220**		**66.984.428.182**	**65.223.965.816**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	37.692.699.801	41.025.702.815
- Nguyên giá	*222*		*80.013.487.295*	*85.215.085.410*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(42.320.787.494)*	*(44.189.382.595)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	23.709.541.730	24.198.263.001
- Nguyên giá	*228*		*26.948.755.225*	*26.955.063.225*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(3.239.213.495)*	*(2.756.800.224)*
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		5.582.186.651	-
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	**10.480.500.000**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	11	-	10.480.500.000
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**2.240.171.017**	**3.497.042.169**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.713.921.394	2.884.368.692
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		526.249.623	200.846.514
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	411.826.963
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**268.507.172.546**	**265.583.967.633**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01 – DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	**300**		**61.208.885.779**	**56.869.849.666**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**56.089.849.588**	**52.166.930.599**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	24.140.000.000	14.633.332.784
2. Phải trả người bán	312		12.271.085.747	14.336.633.464
3. Người mua trả tiền trước	313		257.238.589	82.062.627
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	1.843.925.776	2.976.701.670
5. Phải trả người lao động	315		3.187.059.882	2.831.717.588
6. Chi phí phải trả	316	15	4.031.437.378	8.146.891.708
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	8.682.456.001	8.644.906.582
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		910.247.620	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		766.398.595	514.684.176
II. Nợ dài hạn	**330**		**5.119.036.191**	**4.702.919.067**
1. Phải trả dài hạn khác	333	17	3.586.983.105	1.916.578.717
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		200.575.000	2.202.000.000
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		1.331.478.086	584.340.350
B. NGUỒN VỐN (400=410)	**400**		**201.757.256.462**	**200.309.384.718**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**18**	**201.757.256.462**	**200.309.384.718**
1. Vốn điều lệ	411		119.820.500.000	119.820.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		69.306.398.800	69.306.398.800
3. Cổ phiếu quỹ	414		(24.602.403.627)	(22.681.827.060)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		49.978.599	66.999.546
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.136.886.513	3.709.028.279
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		33.045.896.177	30.088.285.153
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	**439**		**5.541.030.305**	**8.404.733.249**
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400+439)	**440**		**268.507.172.546**	**265.583.967.633**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	31/12/2013	01/01/2013
1. Ngoại tệ các loại		
Tiền gửi USD	*37.595,15*	*19.598,03*

Vũ Dương Ngọc Duy	**Đào Trung Thanh**	**Trương Thị Thùy Linh**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B 02 – DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**1**	**19**	**207.071.260.614**	**214.648.754.102**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		2.781.348.896	352.097.675
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**	**19**	**204.289.911.718**	**214.296.656.427**
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	148.967.569.457	155.020.363.078
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**55.322.342.261**	**59.276.293.349**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	12.939.746.719	11.509.150.807
7. Chi phí tài chính	22	22	3.689.181.480	1.933.642.153
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*475.516.933*	*1.544.724.611*
8. Chi phí bán hàng	24	23	33.325.005.010	38.931.216.472
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	15.535.205.372	15.666.302.039
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	**30**		**15.712.697.118**	**14.254.283.492**
11. Thu nhập khác	31		1.460.010.644	2.283.005.101
12. Chi phí khác	32		486.716.047	980.706.031
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**	25	**973.294.597**	**1.302.299.070**
14. Lãi/lỗ trong Công ty liên doanh/liên kết	**45**		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**16.685.991.715**	**15.556.582.562**
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	2.801.426.912	3.918.553.250
17. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(380.080.859)	(156.081.925)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**14.264.645.662**	**11.794.111.237**
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			*359.936.967*	*665.488.009*
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ			*13.904.708.695*	*11.128.623.228*
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.286	1.022

Vũ Dương Ngọc Duy	**Đào Trung Thanh**	**Trương Thị Thùy Linh**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B 03 – DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		224.672.750.287	223.279.917.086
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(158.648.124.919)	(138.830.345.612)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(16.339.950.642)	(14.126.084.507)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(406.725.705)	(1.546.671.386)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(2.992.764.883)	(3.138.558.616)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		18.605.036.966	18.400.052.489
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(84.259.147.164)	(63.187.103.677)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(19.368.926.060)***	***20.851.205.777***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.945.467.557)	(1.279.019.526)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(13.787.000.000)	(124.368.956.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9.695.763.732	65.390.084.448
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		12.622.500.000	2.301.998.485
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.884.648.045	8.420.871.308
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***15.470.444.220***	***(49.535.021.285)***
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	5.515.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		(4.940.527.123)	(1.069.040.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		34.130.000.000	55.762.510.295
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(30.805.950.280)	(65.030.357.659)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.656.891.543)	(22.288.120.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(9.273.368.946)***	***(27.110.007.364)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**		***(13.171.850.786)***	***(55.793.822.872)***
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**20.686.399.571**	**76.480.222.443**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	**70**	**5**	**7.514.548.785**	**20.686.399.571**

Vũ Dương Ngọc Duy	**Đào Trung Thanh**	**Trương Thị Thùy Linh**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 240/2003/QĐ-BCN ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty được cấp Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103002463 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06/07/2004, thay đổi lần thứ 09 ngày 01/02/2013. Vốn điều lệ hiện tại của Công ty theo đăng ký kinh doanh là 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng).

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh gồm:

Cổ đông	Vốn điều lệ góp theo đăng ký kinh doanh			Vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/12/2013	
	Số CP	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam	357.000	35.700.000.000	29,75	66.549.600.000	55,46
Bùi Kim Khánh	10.837	1.083.700.000	0,90	-	-
Ngô Văn Vị	8.786	878.600.000	0,73	-	-
Vũ Hoàng Chương	8.981	898.100.000	0,75	-	-
Các cổ đông sáng lập khác	314.396	31.439.600.000	26,20	53.270.900.000	44,39
Các cổ đông khác	500.000	50.000.000.000	41,67	-	-
Tổng cộng	**1.200.000**	**120.000.000.000**	**100,0**	**119.820.500.000**	**99,9**

Trụ sở hoạt động tại: Số 248A Nơ Trang Long - Phường 12 - Quận Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 140 người (tại ngày 31/12/2012 là 133 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng;
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; Đào tạo cao đẳng; Đào tạo đại học và sau đại học.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy tính

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Theo đó, Công ty đã thực hiện các điều chỉnh thay đổi phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Góp vốn liên doanh

Khoản góp vốn liên doanh của Công ty là số tiền đầu tư góp vốn liên doanh vào Công ty TNHH JVC Việt Nam. Trong kỳ Công ty đã thu hồi lại khoản đầu tư góp vốn liên doanh với Công ty TNHH JVC Việt Nam.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư khi vốn góp thực tế của Công ty tại các công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của công ty mẹ và tổng số vốn góp thực tế của các bên vào các đơn vị này.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn luỹ kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị quản lý được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Thời gian sử dụng ước tính cụ thể hàng năm như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	08 - 50
Máy móc thiết bị	07 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm tin học được sử dụng cho hoạt động kinh doanh. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm: Chi phí tiền thuê đất, chi phí bản quyền, chi phí sửa chữa tài sản và công cụ, dụng cụ, phụ tùng, các dụng cụ hành chính khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hàng kỳ theo thời gian sử dụng, thời gian phân bổ vào chi phí tối đa là ba năm.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí trích trước

Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm tiền trích trước chi phí bảo hành, hỗ trợ khách hàng và chi phí thuê đất.

Chi phí bảo hành sản phẩm và chi phí hỗ trợ khách hàng Công ty trích trước theo tỷ lệ bảo hành quy định trong hợp đồng của từng mặt hàng đang trong thời gian bảo hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Đối với khoản lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, Công ty đang tạm xác định số lãi dự thu đến ngày 31/12/2013 theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn do Công ty không chắc chắn về thời gian duy trì các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn đến thời điểm đáo hạn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty thực hiện ghi nhận ngoại tệ theo Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012, theo đó các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật và được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty được hưởng ưu đãi Thuế suất thuế TNDN theo Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 và Nghị định 24/2007 của Chính phủ như sau:

- *Được miễn thuế TNDN trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2005 đến năm 2006) và được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho 03 năm tiếp theo (từ năm 2007 đến năm 2009).*
- *Hoạt động sản xuất máy vi tính của Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất là 20% trong 10 năm (từ năm 2004 đến năm 2013).*
- Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp trong 2 năm đối với Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán (từ năm 2010 đến năm 2011).
- Hoạt động đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong Khu công nghiệp Vĩnh Lộc được hưởng ưu đãi miễn thuế trong 03 năm (từ 2009 đến 2011) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 năm (từ năm 2012 đến năm 2016) đối với phần thu nhập tăng thêm.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	1.065.092.524	2.793.739.414
Tiền gửi ngân hàng	5.699.456.261	9.342.660.157
Các khoản tương đương tiền	750.000.000	8.550.000.000
- Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 3 tháng	*750.000.000*	*8.550.000.000*
Cộng	**7.514.548.785**	**20.686.399.571**

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 1 năm	60.700.000.000	57.200.000.000
Ngân hàng Vietcombank	*60.700.000.000*	*57.200.000.000*
Đầu tư ngắn hạn khác - Cho vay ngắn hạn	11.107.043.918	13.318.202.000
Nhân viên Công ty (i)	*902.736.000*	*3.010.202.000*
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin VTB	*196.307.918*	-
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Thành Việt (ii)	*10.000.000.000*	*10.000.000.000*
Các cá nhân khác	*8.000.000*	*308.000.000*
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (iii)	(3.000.000.000)	-
Cộng	**68.807.043.918**	**70.518.202.000**

Ghi chú:

(i) Khoản cho vay ngắn hạn đối với nhân viên là khoản cho công nhân viên trong Công ty không thuộc các cổ đông sáng lập, Ban điều hành hoặc Hội đồng quản trị của Công ty.

(ii) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Thành Việt (Thành Việt) là số tiền Công ty đã thực hiện ủy thác đầu tư từ năm 2007. Thời điểm hiện tại Công ty đang tiếp tục làm việc với Thành Việt và cơ quan có thẩm quyền để thu hồi khoản đầu tư này.

(iii) Theo Biên bản họp ngày 31/12/2013 của Hội đồng kiểm kê đánh giá tổn thất của khoản Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Thành Việt đã xem xét và đánh giá một cách thận trọng giá trị khoản đầu tư và tình hình thực tế giải quyết thủ tục thu hồi khoản đầu tư này trong thời gian tới, nên Công ty đã quyết định tạm trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là 3 tỷ đồng trong năm 2013.

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	3.479.608.408	-
Nguyên liệu, vật liệu	30.056.676.076	17.706.437.674
Công cụ, dụng cụ	-	70.688.636
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.919.784.099	2.152.553.971
Thành phẩm	17.017.255.916	8.822.145.975
Hàng hoá	21.109.411.705	20.606.077.242
Hàng gửi đi bán	422.785.438	30.772.019
Cộng	**75.005.521.642**	**49.388.675.517**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(439.881.012)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho	**74.565.640.630**	**49.388.675.517**

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho bao gồm số trích lập dự phòng của hai Công ty con là Công ty Cổ phần Vitek Hà Nội và Công ty Cổ phần Vitek VTB TP HCM. Công ty Cổ phần Vitek Hà Nội trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho căn cứ trên việc đánh giá về sự chậm luân chuyển và giảm giá của các loại hàng hóa với giá trị trích lập năm 2013 là 418.867.012 đồng. Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty Cổ phần Vitek VTB TP HCM là 21.014.000 đồng.

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng cho nhân viên	1.325.233.284	370.931.840
Cầm cố, ký cược ký quỹ ngắn hạn	463.098.104	1.172.338.830
Cộng	**1.788.331.388**	**1.543.270.670**

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2013	**51.029.724.493**	**30.638.642.416**	**3.546.718.501**	**85.215.085.410**
Tăng do mua sắm	-	555.856.298	1.299.508.000	1.855.364.298
Tăng khác	-	12.272.727	-	12.272.727
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.615.586.456)	(465.584.091)	(5.081.170.547)
Giảm khác(i)	(23.129.860)	(1.964.934.733)	-	(1.988.064.593)
Tại ngày 31/12/2013	**51.006.594.633**	**24.626.250.252**	**4.380.642.410**	**80.013.487.295**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2013	**24.684.001.964**	**17.118.421.799**	**2.386.958.832**	**44.189.382.595**
Khấu hao trong kỳ	1.557.509.359	2.916.350.936	361.187.469	4.835.047.764
Tăng khác	-	10.353.536	-	10.353.536
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.997.742.408)	(122.367.274)	(5.120.109.682)
Giảm khác (i)	(23.129.860)	(1.570.756.859)	-	(1.593.886.719)
Tại ngày 31/12/2013	**26.218.381.463**	**13.476.627.004**	**2.625.779.027**	**42.320.787.494**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2013	**26.345.722.529**	**13.520.220.617**	**1.159.759.669**	**41.025.702.815**
Tại ngày 31/12/2013	**24.788.213.170**	**11.149.623.248**	**1.754.863.383**	**37.692.699.801**

Giá trị còn lại của tài sản cố định đang cầm cố, thế chấp tại ngân hàng tại ngày 31/12/2013 là 47.244.747.452 đồng (tại ngày 31/12/2012 là 49.008.380.114 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định đã hết khấu hao đang còn sử dụng tại ngày 31/12/2013 là 23.208.059.975 đồng (tại ngày 31/12/2012 là 27.530.842.395 đồng).

Ghi chú:

(i) Giá trị nguyên giá và khấu hao lũy kế của Tài sản cố định điều chỉnh giảm trong năm đối với các tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định hữu hình theo Thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	**26.132.193.780**	**822.869.445**	**26.955.063.225**
Tăng trong năm	-	63.000.000	63.000.000
Giảm khác (i)	-	(69.308.000)	(69.308.000)
Tại ngày 31/12/2013	**26.132.193.780**	**816.561.445**	**26.948.755.225**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	**2.228.326.584**	**528.473.640**	**2.756.800.224**
Khấu hao trong năm	607.725.432	103.440.438	711.165.870
Giảm khác (i)	(184.959.894)	(43.792.705)	(228.752.599)
Tại ngày 31/12/2013	**2.651.092.122**	**588.121.373**	**3.239.213.495**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2013	**23.903.867.196**	**294.395.805**	**24.198.263.001**
Tại ngày 31/12/2013	**23.481.101.658**	**228.440.072**	**23.709.541.730**

Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất nêu trên với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2013 là 23.481.101.658 đồng đang được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng.

Ghi chú:

(i) Giá trị nguyên giá và khấu hao lũy kế của Tài sản cố định vô hình là Phần mềm máy tính điều chỉnh giảm trong năm đối với các tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Giá trị khấu hao lũy kế đối với Quyền sử dụng đất điều chỉnh giảm trong năm theo Biên bản kiểm tra của Cơ quan thuế đối với phần chi phí khấu hao phân bổ quá thời gian thuê đất.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh	-	10.480.500.000
Công ty TNHH JVC Việt Nam (i)		*10.480.500.000*
Cộng	**-**	**10.480.500.000**

Ghi chú: (i) Khoản góp vốn liên doanh vào Công ty TNHH JVC Việt Nam với giá trị vốn đầu tư là 10.480.500.000 đồng, tương đương với 30% vốn Điều lệ của công ty liên doanh. Trong năm, Công ty TNHH JVC Việt Nam đã giải thể, do đó Công ty đã rút vốn đầu tư theo Biên bản họp số 16/BOD/JVL ngày 25/04/2013 được ký bởi Ban đại diện của hai công ty.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.713.921.394	250.658.672
Chi phí sửa chữa	-	393.710.020
Chi phí khác	-	2.240.000.000
Chi phí trả trước dài hạn dự án Phạm Văn Hai	-	*1.040.000.000*
Tiền thuê đất Khu 248A Nơ Trang Long	-	*1.200.000.000*
Cộng	**1.713.921.394**	**2.884.368.692**

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	24.140.000.000	14.633.332.784
Vay ngắn hạn Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	*24.140.000.000*	*14.130.532.784*
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	*502.800.000*
- Nguyễn Quang Đức	-	*150.000.000*
- Nguyễn Thúc Tùng	-	*352.800.000*
Cộng	**24.140.000.000**	**14.633.332.784**

Có hai khoản vay ngắn hạn sau:

Khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng số 0001/TD4/12LD ngày 02/01/2013 giữa ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Tân Định và Công ty cổ phần Viettronics Tân Bình với hạn mức cho vay là 15 tỷ đồng với thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày rút vốn để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay được áp dụng theo lãi suất cho vay ngắn hạn cầm cố tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng, cầm cố sổ tiết kiệm, giấy tờ có giá do Ngân hàng phát hành. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động.

Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng hạn mức số 005/TD4/11LD ngày 16/01/2013 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định và Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình với hạn mức vay là 30 tỷ đồng; Thời hạn vay được tính theo từng giấy nhận nợ của từng lần rút vốn là 6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay; Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay theo lãi suất cho vay vốn ngắn hạn sản xuất kỳ hạn 6 tháng do ngân hàng công bố tại thời điểm nhận nợ và sẽ được điều chỉnh khi Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thông báo lãi suất cho vay mới. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản cố định là nhà xưởng và quyền sử dụng đất của Công ty.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	144.520.945	1.502.759.770
Thuế xuất, nhập khẩu	637.000	49.733.324
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.657.965.964	1.266.628.642
Thuế thu nhập cá nhân	40.801.867	157.579.934
Cộng	**1.843.925.776**	**2.976.701.670**

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí bán hàng, bảo hành, hỗ trợ khách hàng, cước vận chuyển và tiền thuê đất	4.031.437.378	8.146.891.708
Cộng	**4.031.437.378**	**8.146.891.708**

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	57.509.916	67.306.800
Bảo hiểm xã hội	35.859.805	212.137.148
Bảo hiểm y tế	-	3.100.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.589.086.280	8.360.984.134
Bao gồm:		
Cửa hàng Thiết bị tin học Viễn thông Vĩnh Tường	-	*18.480.000*
Công ty Cổ phần quản lý quỹ đầu tư Thành Việt (i)	*1.065.232.341*	*1.065.232.341*
Phải nộp Nhà nước (ii)	*6.679.845.151*	*6.679.845.151*
Phải trả cổ đông	*7.015.670*	*357.915.900*
Phải trả khác	*836.993.118*	*239.510.742*
Bảo hiểm thất nghiệp	-	1.378.000
Cộng	**8.682.456.001**	**8.644.906.582**

Ghi chú:

(i) Khoản phải trả Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Thành Việt là số tiền Công ty đã nhận được từ việc bán số cổ phiếu thưởng của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Thành Việt để thu hồi khoản lãi từ hoạt động đầu tư. Khoản tiền này Công ty chưa xác định bù trừ vào khoản công nợ phải thu từ hoạt động đầu tư của Thành Việt..

(ii) Khoản phải nộp Nhà nước là số tiền truy thu từ hoạt động chuyển nhượng tài sản phát sinh từ năm 2009.

17. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	3.586.983.105	1.916.578.717
Phải trả khác	-	-
Cộng	**3.586.983.105**	**1.916.578.717**

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	**119.820.500.000**	**69.306.398.800**	**(22.136.611.468)**	**206.917.361**	**-**	**2.726.640.912**	**44.394.642.669**	**214.318.488.274**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	11.794.111.237	11.794.111.237
Tăng khác	-	-	-	-	116.920.776	1.053.394.683	3.854.427.906	5.024.743.365
Giảm khác	-	-	(545.215.592)	(206.917.361)	(49.921.230)	(71.007.316)	(29.954.896.659)	(30.827.958.158)
Số dư tại ngày 01/01/2013	**119.820.500.000**	**69.306.398.800**	**(22.681.827.060)**	**-**	**66.999.546**	**3.709.028.279**	**30.088.285.153**	**200.309.384.718**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	13.904.708.695	13.904.708.695
Tăng khác	-	-	(1.920.576.567)	-		427.858.234	-	(1.492.718.333)
Giảm khác	-	-	-	-	(17.020.947)	-	(318.157.383)	(335.178.330)
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	-	-	-	(10.628.940.288)	(10.628.940.288)
Số dư tại ngày 31/12/2013	**119.820.500.000**	**69.306.398.800**	**(24.602.403.627)**	**-**	**49.978.599**	**4.136.886.513**	**33.045.896.177**	**201.757.256.462**

Ghi chú: (i) Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 06/04/2013, theo đó việc phân phối lợi nhuận được thực hiện như sau:

Nội dung	Tỷ lệ	Giá trị
Nguồn lợi nhuận thực hiện phân phối năm 2012		**15.718.521.641**
Lợi nhuận phát sinh của các năm trước		3.300.000.000
Lợi nhuận trong năm 2012		12.418.521.641
Giá trị phân phối trong kỳ		**15.214.257.462**
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (8%)	8%	993.481.731
Trích tạo nguồn bù đắp CP Nghiên cứu phát triển 5%	5%	620.926.082
Trích quỹ dự phòng TC (3%)	3%	372.555.649
Phụ cấp cho các thành viên HĐQT		174.000.000
Chi trả cổ tức năm 2012	12%	13.053.294.000
Lợi nhuận để lại chưa phân phối		**504.264.179**

Giá trị cổ phiếu quỹ tăng trong năm tương ứng với 88.140 cổ phiếu do Công ty mẹ mua lại trong trong năm 2013 theo Nghị quyết ngày 21/12/2012 của Hội đồng quản trị và 172.500 cổ phiếu do Công ty Cổ phần Vitek VTB Hà Nội (công ty con) mua lại trong năm 2013.

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 09 ngày 01/02/2013, vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 đồng, vốn góp của các cổ đông đến ngày 31/12/2013 như sau:

Cổ đông		Vốn điều lệ góp theo đăng ký kinh doanh		Vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/12/2013	
	Số CP	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam	357.000	35.700.000.000	29,75	66.549.600.000	55,46
Bùi Kim Khánh	10.837	1.083.700.000	0,90	-	-
Ngô Văn Vị	8.786	878.600.000	0,73	-	-
Vũ Hoàng Chương	8.981	898.100.000	0,75	-	-
Các cổ đông sáng lập khác	314.396	31.439.600.000	26,20	53.270.900.000	44,39
Các cổ đông khác	500.000	50.000.000.000	41,67	-	-
Tổng cộng	**1.200.000**	**120.000.000.000**	**100,0**	**119.820.500.000**	**99,9**

Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.982.050	11.982.050
+ Cổ phiếu phổ thông	11.982.050	11.982.050
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.177.530	1.089.390
+ Cổ phiếu phổ thông	1.177.530	1.089.390
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.804.520	10.892.660
+ Cổ phiếu phổ thông	10.804.520	10.892.660
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng):	*10.000*	*10.000*

Mệnh giá của cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Cổ tức

Trong năm, Công ty đã thực hiện chia cổ tức cho các cổ đông với mức chia cổ tức là 12%. Trong đó, mức cổ tức đã tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2012 là 5%, số đã chia cổ tức trong năm 2013 là 7%.

Tình hình thanh toán cổ tức như sau:

Giá trị cổ tức được chia	**13.053.294.000**
Giá trị cổ tức đã ứng trong năm 2012	5.446.330.000
Giá trị cổ tức đã thanh toán trong kỳ	7.606.964.000
Giá trị cổ tức còn phải trả	**0**

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hoá	207.071.260.614	214.648.754.102
Cộng	**207.071.260.614**	**214.648.754.102**
Các khoản giảm trừ doanh thu	2.781.348.896	352.097.675
- Chiết khấu thương mại	301.726.564	101.229.760
- Hàng bán bị trả lại	2.479.622.332	250.867.915
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**204.289.911.718**	**214.296.656.427**

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm và hàng hóa đã bán	148.527.688.445	155.020.363.078
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	439.881.012	-
Cộng	**148.967.569.457**	**155.020.363.078**

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.365.501.538	10.157.569.113
Cổ tức, lợi nhuận được chia (i)	5.039.190.188	578.168.357
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	504.580.970	256.080.427
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	29.874.023	483.381.879
Doanh thu hoạt động tài chính khác	600.000	33.951.031
Cộng	**12.939.746.719**	**11.509.150.807**

Ghi chú: (i) Lợi nhuận được chia là số lãi Công ty nhận được từ việc rút vốn đầu tư do giải thể liên doanh Công ty TNHH JVC Việt Nam.

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	475.516.933	1.945.954.366
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	99.525.620	82.828.561
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	11.040.257	5.899.561
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	3.000.000.000	(1.022.945.785)
Chi phí tài chính khác	103.098.670	921.905.450
Cộng	**3.689.181.480**	**1.933.642.153**

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2013
	VND
Chi phí nhân viên	6.771.736.899
Chi phí vật liệu, bao bì	190.268.971
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.817.386.388
Chi phí khuyến mại, tài trợ	4.602.741.509
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.285.750.363
Chi phí bằng tiền khác	12.657.120.880
Cộng	**33.325.005.010**

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013
	VND
Chi phí nhân viên	7.383.843.016
Chi phí vật liệu quản lý	217.620.354
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.769.952.083
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.404.313.661
Chi phí bằng tiền khác	3.759.476.258
Cộng	**15.535.205.372**

25. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu khác	1.460.010.644	2.283.005.101
Thu nhập khác	**1.460.010.644**	**2.283.005.101**
Chi phí khác	486.716.047	980.706.031
Chi phí khác	**486.716.047**	**980.706.031**
Lợi nhuận khác	**973.294.597**	**1.302.299.070**

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại	2.801.426.912	3.918.553.250
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**2.801.426.912**	**3.918.553.250**

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.904.708.695	11.128.623.228
Lợi nhuận sau thuế phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**13.904.708.695**	**11.128.623.228**
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	10.814.179	10.892.660
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.286**	**1.022**

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	109.428.556.217	122.948.431.094
Chi phí nhân công trực tiếp	17.847.345.262	18.899.404.216
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.443.920.394	4.933.620.267
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.467.287.586	25.352.411.872
Chi phí mua ngoài khác	6.881.861.477	9.254.429.202
Cộng	**162.068.970.936**	**181.388.296.651**

29. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thời điểm hiện tại, lĩnh vực kinh doanh của Công ty tập trung vào nhóm sản phẩm chính là kinh doanh hàng điện tử, điện lạnh và công nghệ thông tin. Các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực khác chiếm tỷ trọng không đáng kể, theo đó Công ty chưa áp dụng lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại cùng một khu vực địa lý, không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, do đó Công ty chưa áp dụng lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Các khoản vay	24.140.000.000	14.633.332.784
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	7.514.548.785	20.686.399.571
Nợ thuần	16.625.451.215	(6.053.066.787)
Vốn chủ sở hữu	201.757.256.462	200.309.384.718
Hệ số nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	**0,08**	**0,00**

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.514.548.785	20.686.399.571
Phải thu khách hàng và phải thu khác	33.669.290.364	34.062.206.328
Đầu tư ngắn hạn	68.807.043.918	70.518.202.000
Đầu tư dài hạn	-	10.480.500.000
Tổng cộng	**109.990.883.067**	**135.747.307.899**
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	24.140.000.000	14.633.332.784
Phải trả người bán và phải trả khác	24.540.524.853	24.898.118.763
Chi phí phải trả	4.031.437.378	8.146.891.708
Tổng cộng	**52.711.962.231**	**47.678.343.255**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Tại thời điểm 31/12/2013, Công ty không có các khoản đầu tư cổ phiếu cho mục đích thương mại, theo đó Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Và Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Khoản đầu tư vào công ty con được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại ngày 31/12/2013	**Dưới 1 năm** VND	**Từ 1 đến 5 năm** VND	**Tổng** VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.514.548.785	-	7.514.548.785
Phải thu khách hàng và phải thu khác	33.669.290.364	-	33.669.290.364
Đầu tư ngắn hạn	68.807.043.918	-	68.807.043.918
Cộng	**109.990.883.067**	**-**	**109.990.883.067**
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	24.140.000.000	-	24.140.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	24.540.524.853	-	24.540.524.853
Chi phí phải trả	4.031.437.378	-	4.031.437.378
Cộng	**52.711.962.231**	**-**	**52.711.962.231**
Giá trị chênh lệch thanh khoản ròng	**57.278.920.836**	**-**	**57.278.920.836**

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tại ngày 01/01/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.686.399.571	-	20.686.399.571
Phải thu khách hàng và phải thu khác	34.062.206.328	-	34.062.206.328
Đầu tư ngắn hạn	70.518.202.000	-	70.518.202.000
Đầu tư dài hạn	10.480.500.000	-	10.480.500.000
Cộng	**135.747.307.899**	**-**	**135.747.307.899**
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	14.633.332.784	-	14.633.332.784
Phải trả người bán và phải trả khác	24.898.118.763	-	24.898.118.763
Chi phí phải trả	8.146.891.708	-	8.146.891.708
Cộng	**47.678.343.255**	**-**	**47.678.343.255**
Giá trị chênh lệch thanh khoản ròng	**88.068.964.644**	**-**	**88.068.964.644**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

31. THÔNG TIN KHÁC

Công ty ký hợp đồng thuê đất của lô đất tại Khu Công nghiệp Cát Lái theo hợp đồng nguyên tắc Số 08/HĐNT- PTN- KCN ngày 13/10/2005 giữa Công ty và Công ty Quản lý và phát triển nhà Quận 2 (nay là Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 2). Tới thời điểm hiện tại Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 2 chưa hoàn thiện các hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký hợp đồng thuê đất chính thức, theo đó Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa xác định nghĩa vụ thanh toán tiền thuê đất trong các giai đoạn tiếp theo.

32. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

33. GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Trả cổ tức Tổng Công ty		
Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam	4.658.472.000	13.309.920.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lương của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	872.400.000	2.131.332.691
Thù lao của HĐQT	144.000.000	477.000.000
	1.016.400.000	**2.608.332.691**

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.

Vũ Dương Ngọc Duy	**Đào Trung Thanh**	**Trương Thị Thùy Linh**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tầng 4 - 168 Đường Láng, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84-4 3577 0781 / Fax: +84-4 3577 0787
www.vaco.com.vn / vacohn@vaco.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	**Chức vụ**	
Ông Lưu Hoàng Long	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 06/04/2013
Ông Lê Ngọc Sơn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 06/04/2013
Ông Ngô Văn Vị	Ủy viên	
Ông Vũ Dương Ngọc Duy	Ủy viên	
Ông Bùi Kim Khánh	Ủy viên	
Ông Vũ Hoàng Chương	Ủy viên	

Ban Tổng Giám đốc	**Chức vụ**	
Ông Vũ Dương Ngọc Duy	Tổng Giám đốc	
Ông Nghiêm Xuân Vân	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10/05/2013
Ông Vũ Hoàng Chương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trang Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25/02/2014

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0300391837 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH
Q. BÌNH THẠNH - TP. HỒ CHÍ MINH

Vũ Dương Ngọc Duy
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tầng 4, 168 Đường Láng, Đống Đa, Hà Nội
ĐT: (84-4) 3577 0781; Fax: (84-4) 3577 0787
Email: vacohn@vaco.com.vn
Website: www.vaco.com.vn

Số: 013 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 05/03/2014, từ trang 04 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán năm 2012 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác và đã phát hành Báo cáo kiểm toán số 80/BCKT-TC ngày 08/03/2013 với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Như trình bày tại thuyết minh số 06 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, khoản ủy thác đầu tư từ năm 2007 vào Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Thành Việt (Thành Việt) với giá trị là 10.000.000.000 đồng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đang tiếp tục làm việc với Thành Việt và cơ quan có thẩm quyền để thu hồi khoản đầu tư này.

M.S.D.N: 0102546655 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VACO Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0517-2013-156-1

Chử Mạnh Hoan
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 1403-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	**100**		**184.813.303.306**	**160.169.747.870**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**4.587.420.717**	**12.038.650.730**
1. Tiền	111		4.587.420.717	6.038.650.730
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	6.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	6	**68.799.043.918**	**70.355.202.000**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		71.799.043.918	70.355.202.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(3.000.000.000)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**53.769.291.475**	**49.019.900.857**
1. Phải thu khách hàng	131	7	42.615.792.561	41.177.466.273
2. Trả trước cho người bán	132	8	8.626.537.942	6.607.213.281
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135	9	3.012.175.473	1.725.066.804
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(485.214.501)	(489.845.501)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**10**	**54.081.455.659**	**27.191.886.446**
1. Hàng tồn kho	141		54.081.455.659	27.191.886.446
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**3.576.091.537**	**1.564.107.837**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		518.303.959	421.821.007
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.171.807.305	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	885.980.273	1.142.286.830
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 =220+250+260)	**200**		**76.389.154.245**	**90.261.098.167**
I. Tài sản cố định	**220**		**64.551.351.836**	**64.547.361.251**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	37.489.298.470	40.446.320.481
- Nguyên giá	*222*		*79.626.174.905*	*84.095.954.989*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(42.136.876.435)*	*(43.649.634.508)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	23.623.250.048	24.101.040.770
- Nguyên giá	*228*		*26.805.755.225*	*26.825.063.225*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(3.182.505.177)*	*(2.724.022.455)*
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		3.438.803.318	-
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**10.628.300.000**	**23.250.800.000**
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	10.628.300.000	12.770.300.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15	-	10.480.500.000
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**1.209.502.409**	**2.462.936.916**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	1.209.502.409	2.462.936.916
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**261.202.457.551**	**250.430.846.037**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	**300**		**56.827.275.569**	**47.437.246.272**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**52.035.026.032**	**44.936.327.205**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	25.540.000.000	14.130.532.784
2. Phải trả người bán	312	18	10.939.857.898	11.952.586.043
3. Người mua trả tiền trước	313		92.089.622	35.772.652
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	1.276.651.123	2.437.952.833
5. Phải trả người lao động	315		2.601.994.108	2.260.434.992
6. Chi phí phải trả	316	20	3.199.542.485	5.952.018.161
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	7.832.040.290	8.090.604.292
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		552.850.506	76.425.448
II. Nợ dài hạn	**330**		**4.792.249.537**	**2.500.919.067**
1. Phải trả dài hạn khác	333	22	3.586.983.105	1.916.578.717
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		1.205.266.432	584.340.350
B. NGUỒN VỐN (400=410)	**400**		**204.375.181.982**	**202.993.599.765**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**23**	**204.375.181.982**	**202.993.599.765**
1. Vốn điều lệ	411		119.820.500.000	119.820.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		69.306.398.800	69.306.398.800
3. Cổ phiếu quỹ	414		(22.877.138.591)	(22.136.611.468)
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.993.880.810	3.621.325.161
5. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối	420		34.131.540.963	32.381.987.272
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	**440**		**261.202.457.551**	**250.430.846.037**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	31/12/2013	01/01/2013
1. Ngoại tệ các loại		
Tiền gửi (USD)	*17.586,82*	*1.598,94*

Vũ Dương Ngọc Duy	**Đào Trung Thanh**	**Trương Thị Thùy Linh**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B 02 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**1**	**24**	**165.493.203.997**	**196.147.702.822**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		1.887.752.550	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**	**24**	**163.605.451.447**	**196.147.702.822**
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	127.583.738.075	156.151.842.399
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**36.021.713.372**	**39.995.860.423**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	12.605.261.012	12.284.700.495
7. Chi phí tài chính	22	27	3.637.082.810	1.319.896.418
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*475.516.933*	*1.544.724.611*
8. Chi phí bán hàng	24	28	21.103.914.141	25.323.543.481
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	29	11.624.580.614	11.363.292.131
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	**30**		**12.261.396.819**	**14.273.828.888**
11. Thu nhập khác	31		2.028.358.208	1.676.548.303
12. Chi phí khác	32		7.889.268	678.859.687
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**	30	**2.020.468.940**	**997.688.616**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**14.281.865.759**	**15.271.517.504**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	1.903.371.780	2.852.995.863
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	**60**		**12.378.493.979**	**12.418.521.641**
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	1.145	1.140

M.S.D.N: 0300391837 - C.T.C.P ★ CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH ★ Q. BÌNH THẠNH - T.P HỒ CHÍ MINH

Vũ Dương Ngọc Duy	**Đào Trung Thanh**	**Trương Thị Thúy Linh**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B 03 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		175.293.608.615	193.764.898.321
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(135.292.309.630)	(123.652.448.433)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(10.926.855.000)	(9.490.452.141)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(406.725.705)	(1.544.724.611)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(1.467.261.709)	(2.236.069.896)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		15.357.449.847	19.364.853.044
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(63.908.943.080)	(52.022.263.921)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(21.351.036.662)***	***24.183.792.363***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.357.250.000)	(841.976.980)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.187.000.000)	(122.275.956.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		8.576.955.814	64.840.084.448
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(6.560.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		12.622.500.000	6.001.998.485
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.765.242.238	8.050.123.058
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***18.420.448.052***	***(50.785.726.989)***
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		(740.527.123)	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		34.130.000.000	55.259.710.295
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(30.303.150.280)	(65.030.357.659)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.606.964.000)	(21.785.320.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(4.520.641.403)***	***(31.555.967.364)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**		***(7.451.230.013)***	***(58.157.901.990)***
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**12.038.650.730**	**70.196.552.720**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	**70**	**5**	**4.587.420.717**	**12.038.650.730**

Vũ Dương Ngọc Duy	**Đào Trung Thanh**	**Trương Thị Thùy Linh**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 240/2003/QĐ-BCN ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty được cấp Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103002463 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06/07/2004, thay đổi lần thứ 09 ngày 01/02/2013. Vốn điều lệ hiện tại của Công ty theo đăng ký kinh doanh là 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng).

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh gồm:

Cổ đông	Vốn điều lệ góp theo đăng ký kinh doanh			Vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/12/2013	
	Số CP	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam	357.000	35.700.000.000	29,75	66.549.600.000	55,46
Bùi Kim Khánh	10.837	1.083.700.000	0,90	-	-
Ngô Văn Vị	8.786	878.600.000	0,73	-	-
Vũ Hoàng Chương	8.981	898.100.000	0,75	-	-
Các cổ đông sáng lập khác	314.396	31.439.600.000	26,20	53.270.900.000	44,39
Các cổ đông khác	500.000	50.000.000.000	41,67	-	-
Tổng cộng	**1.200.000**	**120.000.000.000**	**100,0**	**119.820.500.000**	**99,9**

Trụ sở hoạt động tại: Số 248A Nơ Trang Long - Phường 12 - Quận Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 140 người (tại ngày 31/12/2012 là 133 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng;
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; Đào tạo cao đẳng; Đào tạo đại học và sau đại học.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy tính

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Theo đó, Công ty đã thực hiện các điều chỉnh thay đổi phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty mẹ nắm trên 50% quyền kiểm soát. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

Góp vốn liên doanh

Khoản góp vốn liên doanh của Công ty là số tiền đầu tư góp vốn liên doanh vào Công ty TNHH JVC Việt Nam. Trong kỳ Công ty đã thu hồi lại khoản đầu tư góp vốn liên doanh với Công ty TNHH JVC Việt Nam.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư khi vốn góp thực tế của Công ty tại các công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của công ty mẹ và tổng số vốn góp thực tế của các bên vào các đơn vị này.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn luỹ kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị quản lý được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Thời gian sử dụng ước tính cụ thể hàng năm như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 50
Máy móc thiết bị	07 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm tin học được sử dụng cho hoạt động kinh doanh. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm: Chi phí tiền thuê đất, chi phí bản quyền, chi phí sửa chữa tài sản và công cụ, dụng cụ, phụ tùng, các dụng cụ hành chính khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hàng kỳ theo thời gian sử dụng, thời gian phân bổ vào chi phí tối đa là ba năm.

Chi phí trích trước

Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm tiền trích trước chi phí bảo hành, hỗ trợ khách hàng và chi phí thuê đất.

Chi phí bảo hành sản phẩm và chi phí hỗ trợ khách hàng Công ty trích trước theo tỷ lệ bảo hành quy định trong hợp đồng của từng mặt hàng đang trong thời gian bảo hành..

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Đối với khoản lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, Công ty đang tạm xác định số lãi dự thu đến ngày 31/12/2013 theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn do Công ty không chắc chắn về thời gian duy trì các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn đến thời điểm đáo hạn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty thực hiện ghi nhận ngoại tệ theo Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012, theo đó các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật và được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty được hưởng ưu đãi Thuế suất thuế TNDN theo Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 và Nghị định 24/2007 của Chính phủ như sau:

- *Được miễn thuế TNDN trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2005 đến năm 2006) và được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho 03 năm tiếp theo (từ năm 2007 đến năm 2009).*

- *Hoạt động sản xuất máy vi tính của Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất là 20% trong 10 năm (từ năm 2004 đến năm 2013).*

- Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp trong 2 năm đối với Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán (từ năm 2010 đến năm 2011).

- Hoạt động đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong Khu công nghiệp Vĩnh Lộc được hưởng ưu đãi miễn thuế trong 03 năm (từ 2009 đến 2011) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 năm (từ năm 2012 đến năm 2016) đối với phần thu nhập tăng thêm.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	646.486.126	200.301.769
Tiền gửi ngân hàng	3.940.934.591	5.838.348.961
Các khoản tương đương tiền	-	6.000.000.000
- Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	*6.000.000.000*
Cộng	**4.587.420.717**	**12.038.650.730**

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 1 năm	60.700.000.000	57.200.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	*60.700.000.000*	*57.200.000.000*
Đầu tư ngắn hạn khác - Cho vay ngắn hạn	11.099.043.918	13.155.202.000
Nhân viên Công ty (i)	*902.736.000*	*1.805.202.000*
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin VTB	*196.307.918*	*1.350.000.000*
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Thành Việt (ii)	*10.000.000.000*	*10.000.000.000*
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (iii)	(3.000.000.000)	-
Cộng	**68.799.043.918**	**70.355.202.000**

Ghi chú:

(i) Khoản cho vay ngắn hạn đối với nhân viên là khoản cho công nhân viên trong Công ty không thuộc các cổ đông sáng lập, Ban điều hành hoặc Hội đồng quản trị của Công ty.

(ii) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Thành Việt (Thành Việt) là số tiền Công ty đã thực hiện ủy thác đầu tư từ năm 2007. Thời điểm hiện tại Công ty đang tiếp tục làm việc với Thành Việt và cơ quan có thẩm quyền để thu hồi khoản đầu tư này.

(iii) Theo Biên bản họp ngày 31/12/2013 của Hội đồng kiểm kê đánh giá tổn thất của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Thành Việt, Hội đồng đã xem xét và đánh giá một cách thận trọng giá trị khoản đầu tư và tình hình thực tế giải quyết thủ tục thu hồi khoản đầu tư này trong thời gian tới, nên Công ty đã quyết định tạm trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là 3 tỷ đồng trong năm 2013.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Vitek VTB TPHCM	-	7.572.835.286
Công ty Cổ Phần Công Nghệ Thông Tin VTB	1.341.884.355	2.211.435.235
Công ty Cổ phần Thương Mại JS-VTB	7.952.625.720	5.191.255.389
Công ty Cổ phần Vitek -VTB Hà Nội	21.583.292.853	14.513.837.552
Các đối tượng khác	11.737.989.633	11.688.102.811
Cộng	**42.615.792.561**	**41.177.466.273**

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 2 (i)	4.830.535.680	4.830.535.680
APEX DIGITAL TECH INC	-	1.098.586.650
GUANGZHOU HUADU HONGXUN DIGITAL ELECTRONIC FACTORY	667.814.400	-
Shenzhen OneTouch Business Service Ltd	638.433.096	-
Các khách hàng khác	2.489.754.766	678.090.951
Cộng	**8.626.537.942**	**6.607.213.281**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (Tiếp theo)

Ghi chú: (i) Khoản trả trước cho Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 2 là số tiền Công ty đã trả trước tiền thuê đất lần 1 và lần 2 của lô đất tại khu Khu Công nghiệp Cát Lái theo hợp đồng nguyên tắc Số 08/HĐNT- PTN- KCN ngày 13/10/2005 giữa Công ty và Công ty Quản lý và phát triển nhà Quận 2 (nay là Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 2).

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vitek VTB TP HCM	-	438.450.000
Công ty Cổ phần Vitek VTB Hà Nội	106.823.464	734.330.842
Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB	120.313.710	352.440.000
Phải thu khác (i)	2.785.038.299	199.845.962
Cộng	**3.012.175.473**	**1.725.066.804**

Ghi chú: (i) Phải thu ngắn hạn khác bao gồm: Phải thu khoản chi phí nhân công vượt định mức Công ty khoán cho các phân xưởng trong quá trình sản xuất, phải thu lãi dự thu đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn.

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	3.415.404.960	-
Nguyên liệu, vật liệu	29.366.301.377	16.438.428.348
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.919.784.099	2.152.553.971
Thành phẩm	16.749.325.862	8.494.031.471
Hàng hoá	1.630.639.361	106.872.656
Cộng	**54.081.455.659**	**27.191.886.446**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho	**54.081.455.659**	**27.191.886.446**

11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng cho nhân viên	427.882.169	141.010.000
Cầm cố, ký cược ký quỹ ngắn hạn	458.098.104	1.001.276.830
Cộng	**885.980.273**	**1.142.286.830**

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2013	**51.029.724.493**	**30.415.902.064**	**2.650.328.432**	**84.095.954.989**
Tăng do mua sắm	-	474.737.727	1.299.508.000	1.774.245.727
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.367.560.025)	-	(4.367.560.025)
Giảm khác (i)	(23.129.860)	(1.853.335.926)	-	(1.876.465.786)
Tại ngày 31/12/2013	**51.006.594.633**	**24.669.743.840**	**3.949.836.432**	**79.626.174.905**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2013	**24.684.001.964**	**17.044.992.953**	**1.920.639.591**	**43.649.634.508**
Khấu hao trong kỳ	1.557.509.359	2.790.720.809	204.409.760	4.552.639.928
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.363.509.341)	-	(4.363.509.341)
Giảm khác (i)	(23.129.860)	(1.678.758.800)	-	(1.701.888.660)
Tại ngày 31/12/2013	**26.218.381.463**	**13.793.445.621**	**2.125.049.351**	**42.136.876.435**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2013	**26.345.722.529**	**13.370.909.111**	**729.688.841**	**40.446.320.481**
Tại ngày 31/12/2013	**24.788.213.170**	**10.876.298.219**	**1.824.787.081**	**37.489.298.470**

Giá trị còn lại của tài sản cố định đang cầm cố, thế chấp tại ngân hàng tại ngày 31/12/2013 là 47.244.747.452 đồng (tại ngày 31/12/2012 là 49.008.380.114 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định đã hết khấu hao đang còn sử dụng tại ngày 31/12/2013 là 23.208.059.975 đồng (tại ngày 31/12/2012 là 27.530.842.395 đồng).

Ghi chú: (i) Giá trị nguyên giá và khấu hao lũy kế của Tài sản cố định điều chỉnh giảm trong năm đối với các tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định hữu hình theo Thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	**26.132.193.780**	**692.869.445**	**26.825.063.225**
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm khác (i)	-	(19.308.000)	(19.308.000)
Tại ngày 31/12/2013	**26.132.193.780**	**673.561.445**	**26.805.755.225**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	**2.228.326.584**	**495.695.871**	**2.724.022.455**
Khấu hao trong năm	607.725.432	55.025.184	662.750.616
Thanh lý	-	-	-
Giảm khác (i)	(184.959.894)	(19.308.000)	(204.267.894)
Tại ngày 31/12/2013	**2.651.092.122**	**531.413.055**	**3.182.505.177**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2013	**23.903.867.196**	**197.173.574**	**24.101.040.770**
Tại ngày 31/12/2013	**23.481.101.658**	**142.148.390**	**23.623.250.048**

Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất nêu trên với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2013 là 23.481.101.658 đồng đang được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng.

Ghi chú: (i) Giá trị nguyên giá và khấu hao lũy kế của Tài sản cố định vô hình là Phần mềm máy tính điều chỉnh giảm trong năm đối với các tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định hữu hình theo Thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Giá trị khấu hao lũy kế đối với Quyền sử dụng đất điều chỉnh giảm trong năm theo Biên bản kiểm tra của Cơ quan thuế đối với phần chi phí khấu hao phân bổ quá thời gian thuê đất.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Chi tiết cho cổ phiếu của từng công ty con

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Thương mại JS - VTB	350.000	3.500.000.000	350.000	3.500.000.000
Công ty Cổ phần Vitek VTB Hà Nội	306.000	3.060.000.000	306.000	3.060.000.000
Công ty Cổ phần Vitek VTB TP HCM (i)	91.800	918.000.000	306.000	3.060.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin VTB	315.030	3.150.300.000	315.030	3.150.300.000
Cộng		**10.628.300.000**		**12.770.300.000**

Ghi chú: (i) Ngày 30/11/2013 Công ty Cổ phần Vitek VTB TP HCM đã thông báo giải thể, đến ngày 31/12/2013 Công ty đã thu hồi được 70% số vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Vitek VTB HCM. Đến ngày 15/01/2014 Công ty đã thu hồi thêm 20% số vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Vitek VTB HCM. Đến thời điểm 31/12/2013, Công ty Cổ phần Vitek VTB TP HCM đang trong thời gian chờ quyết toán thuế để hoàn thiện các thủ tục giải thể nên phần vốn góp còn lại vào Công ty Cổ phần Vitek VTB HCM sẽ được thu hồi sau khi hoàn thành các thủ tục giải thể.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các Công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2013

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết, nắm giữ	Hoạt động chính
		%	%	
Công ty Cổ phần Thương mại JS - VTB	TP. Hồ Chí Minh	70,0%	70,0%	Mua bán, kinh doanh các sản phẩm điện tử, điện lạnh
Công ty Cổ phần Vitek VTB Hà Nội	Hà Nội	57,3%	57,3%	Mua bán, kinh doanh các sản phẩm điện tử, điện lạnh
Công ty Cổ phần Vitek VTB TP HCM	TP. Hồ Chí Minh	51,0%	51,0%	Mua bán, kinh doanh các sản phẩm điện tử, điện lạnh
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin VTB	TP. Hồ Chí Minh	51,0%	51,0%	Sản xuất, mua bán máy tính, phần mềm và các linh kiện

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh	-	10.480.500.000
Công ty TNHH JVC Việt Nam (i)	-	*10.480.500.000*
Cộng	-	**10.480.500.000**

Ghi chú: (i) Khoản góp vốn liên doanh vào Công ty TNHH JVC Việt Nam với giá trị vốn đầu tư là 10.480.500.000 đồng, tương đương với 30% vốn Điều lệ của công ty liên doanh. Trong năm, Công ty TNHH JVC Việt Nam đã giải thể, do đó Công ty đã rút vốn đầu tư theo Biên bản họp số 16/BOD/JVL ngày 25/04/2013 được ký bởi Ban đại diện của hai công ty.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.209.502.409	222.936.916
Chi phí khác	-	2.240.000.000
Chi phí trả trước dài hạn dự án Phạm Văn Hai	-	*1.040.000.000*
Tiền thuê đất Khu 248A Nơ Trang Long	-	*1.200.000.000*
Cộng	**1.209.502.409**	**2.462.936.916**

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	25.540.000.000	14.130.532.784
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	*24.140.000.000*	*14.130.532.784*
Vay ngắn hạn Công ty CP Vitek VTB TP HCM	*1.400.000.000*	-
Cộng	**25.540.000.000**	**14.130.532.784**

Có hai khoản vay ngắn hạn sau:

Khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng số 0001/TD4/12LD ngày 02/01/2013 giữa ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Tân Định và Công ty cổ phần Viettronics Tân Bình với hạn mức cho vay là 15 tỷ đồng với thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày rút vốn để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay được áp dụng theo lãi suất cho vay ngắn hạn cầm cố tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng, cầm cố sổ tiết kiệm, giấy tờ có giá do Ngân hàng phát hành. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động.

Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng hạn mức số 005/TD4/11LD ngày 16/01/2013 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định và Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình với hạn mức vay là 30 tỷ đồng; Thời hạn vay được tính theo từng giấy nhận nợ của từng lần rút vốn là 6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay; Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay theo lãi suất cho vay vốn ngắn hạn sản xuất kỳ hạn 6 tháng do ngân hàng công bố tại thời điểm nhận nợ và sẽ được điều chỉnh khi Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thông báo lãi suất cho vay mới. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản cố định là nhà xưởng và quyền sử dụng đất của Công ty.

Khoản vay của Công ty Cổ phần Vitek VTB TP HCM là số tiền vay theo hợp đồng có kỳ hạn 1 tháng với lãi suất tiền vay từ 5% - 7%/năm để bổ sung vốn lưu động.

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tin học Minh Thông	520.350.082	3.475.194.899
Công ty TNHH Điện Tử Samsung Vina	-	3.324.860.000
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin VTB	-	62.038.512
Các đối tượng khác	10.419.507.816	5.090.492.632
Cộng	**10.939.857.898**	**11.952.586.043**

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.502.759.770
Thuế xuất, nhập khẩu	-	49.353.324
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.264.205.642	828.095.571
Thuế thu nhập cá nhân	12.445.481	57.744.168
Cộng	**1.276.651.123**	**2.437.952.833**

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí bảo hành sản phẩm và tiền thuê đất	3.199.542.485	5.952.018.161
Cộng	**3.199.542.485**	**5.952.018.161**

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	46.782.116	45.240.800
Bảo hiểm xã hội	12.704.027	16.029.359
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.772.554.147	8.029.334.133
Bao gồm:		
Cửa hàng Thiết bị tin học Viễn thông Vĩnh Tường	-	*18.480.000*
Công ty Cổ phần quản lý quỹ đầu tư Thành Việt (i)	*1.065.232.341*	*1.065.232.341*
Phải nộp Nhà nước (ii)	*6.679.845.151*	*6.679.845.151*
Phải trả cổ đông	*7.015.670*	*26.265.900*
Phải trả khác	*20.460.985*	*239.510.741*
Cộng	**7.832.040.290**	**8.090.604.292**

Ghi chú:

(i) Khoản phải trả Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Thành Việt là số tiền Công ty đã nhận được từ việc bán số cổ phiếu thưởng của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Thành Việt để thu hồi khoản lãi từ hoạt động đầu tư. Tuy nhiên, khoản tiền này Công ty chưa được xác định bù trừ vào khoản công nợ phải thu từ hoạt động đầu tư.

(ii) Khoản phải nộp Nhà nước là số tiền truy thu từ hoạt động chuyển nhượng tài sản phát sinh từ năm 2009.

22. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	3.586.983.105	1.916.578.717
Phải trả khác	-	-
Cộng	**3.586.983.105**	**1.916.578.717**

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND		VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	**119.820.500.000**	**69.306.398.800**	**(22.136.611.468)**	**206.917.361**	**2.726.640.912**	**44.785.775.228**	**214.709.620.833**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	12.418.521.641	12.418.521.641
Tăng khác	-	-	-	-	894.684.249	-	894.684.249
Giảm khác	-	-	-	(206.917.361)	-	(24.822.309.597)	(25.029.226.958)
Số dư tại ngày 01/01/2013	**119.820.500.000**	**69.306.398.800**	**(22.136.611.468)**	**-**	**3.621.325.161**	**32.381.987.272**	**202.993.599.765**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	12.378.493.979	12.378.493.979
Tăng khác (ii)	-	-	(740.527.123)	-		-	(740.527.123)
Trả cổ tức cho cổ đông (i)						(7.606.964.000)	(7.606.964.000)
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	-	372.555.649	(3.021.976.288)	(2.649.420.639)
Số dư tại ngày 31/12/2013	**119.820.500.000**	**69.306.398.800**	**(22.877.138.591)**	**-**	**3.993.880.810**	**34.131.540.963**	**204.375.181.982**

Ghi chú: (i) Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 06/04/2013, theo đó việc phân phối lợi nhuận được thực hiện như sau:

Nội dung	Tỷ lệ	Giá trị
Nguồn lợi nhuận thực hiện phân phối năm 2012		**15.718.521.641**
Lợi nhuận phát sinh của các năm trước		3.300.000.000
Lợi nhuận trong năm 2012		12.418.521.641
Giá trị phân phối trong kỳ		**15.214.257.462**
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (8%)	8%	993.481.731
Trích tạo nguồn bù đắp CP Nghiên cứu phát triển 5%	5%	620.926.082
Trích quỹ dự phòng TC (3%)	3%	372.555.649
Phụ cấp cho các thành viên HĐQT		174.000.000
Chi trả cổ tức năm 2012	12%	13.053.294.000
Lợi nhuận để lại chưa phân phối		**504.264.179**

(ii) Giá trị cổ phiếu quỹ tăng trong năm tương ứng với 88.140 cổ phiếu do Công ty mua lại trong năm 2013 theo Nghị quyết ngày 21/12/2012 của Hội đồng quản trị.

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 09 ngày 01/02/2013, vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 đồng, vốn góp của các cổ đông đến ngày 31/12/2013 như sau:

Cổ đông	Vốn điều lệ góp theo đăng ký kinh doanh			Vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/12/2013	
	Số CP	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam	357.000	35.700.000.000	29,75	66.549.600.000	55,46
Bùi Kim Khánh	10.837	1.083.700.000	0,90	-	-
Ngô Văn Vị	8.786	878.600.000	0,73	-	-
Vũ Hoàng Chương	8.981	898.100.000	0,75	-	-
Các cổ đông sáng lập khác	314.396	31.439.600.000	26,20	53.270.900.000	44,39
Các cổ đông khác	500.000	50.000.000.000	41,67	-	-
Tổng cộng	**1.200.000**	**120.000.000.000**	**100,0**	**119.820.500.000**	**99,9**

Cổ phiếu

	31/12/2013	1/1/2013
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.982.050	11.982.050
+ Cổ phiếu phổ thông	11.982.050	11.982.050
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.177.530	1.089.390
+ Cổ phiếu phổ thông	1.177.530	1.089.390
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.804.520	10.892.660
+ Cổ phiếu phổ thông	10.804.520	10.892.660
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá của cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Cổ tức

Trong năm, Công ty đã thực hiện chia cổ tức cho các cổ đông với mức chia cổ tức là 12%. Trong đó, mức cổ tức đã tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2012 là 5%, số đã chia cổ tức trong năm 2013 là 7%.

Tình hình thanh toán cổ tức như sau:

Giá trị cổ tức được chia	**13.053.294.000**
Giá trị cổ tức đã ứng trong năm 2012	5.446.330.000
Giá trị cổ tức đã thanh toán trong kỳ	7.606.964.000
Giá trị cổ tức còn phải trả	**0**

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	165.493.203.997	196.147.702.822
Cộng	**165.493.203.997**	**196.147.702.822**
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.887.752.550)	-
- Hàng bán bị trả lại	(1.887.752.550)	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**163.605.451.447**	**196.147.702.822**

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm và dịch vụ đã bán	127.583.738.075	156.151.842.399
Giá vốn hoạt động khác	-	-
Cộng	**127.583.738.075**	**156.151.842.399**

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.129.142.183	9.699.069.832
Cổ tức, lợi nhuận được chia (i)	5.039.190.188	1.846.168.357
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	407.054.618	256.080.427
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	29.874.023	483.381.879
Cộng	**12.605.261.012**	**12.284.700.495**

Ghi chú: (i) Lợi nhuận được chia là số lãi Công ty nhận được từ việc rút vốn đầu tư do giải thể liên doanh Công ty TNHH JVC Việt Nam.

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	475.516.933	1.544.724.611
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	99.525.620	82.828.561
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	11.040.257	5.874.871
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	3.000.000.000	(1.022.945.785)
Chi phí tài chính khác	51.000.000	709.414.160
Cộng	**3.637.082.810**	**1.319.896.418**

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2013
	VND
Chi phí nhân viên	2.785.121.760
Chi phí vật liệu, bao bì	46.778.818
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.572.070.362
Chi phí khuyến mại, tài trợ	1.718.776.835
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.817.502.483
Chi phí bằng tiền khác	10.163.663.883
Cộng	**21.103.914.141**

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013
	VND
Chi phí nhân viên	5.076.023.092
Chi phí vật liệu quản lý	157.940.805
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.683.364.886
Chi phí dịch vụ mua ngoài	927.359.503
Chi phí bằng tiền khác	2.779.892.328
Cộng	**11.624.580.614**

30. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu khác (i)	2.028.358.208	1.676.548.303
Thu nhập khác	**2.028.358.208**	**1.676.548.303**
Chi phí khác	7.889.268	678.859.687
Chi phí khác	**7.889.268**	**678.859.687**
Lợi nhuận khác	**2.020.468.940**	**997.688.616**

Ghi chú: (i) Thu nhập khác trong kỳ bao gồm số tiền 1.827.262.564 đồng được Công ty thu từ lãi chậm trả của các Công ty con đối với các khoản chậm thanh toán tiền mua hàng.

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	**14.281.865.759**	**15.271.517.504**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(5.651.704.439)	(1.849.153.575)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(5.749.390.293)	(1.849.377.584)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	*(5.039.190.188)*	*(1.846.168.357)*
Các khoản thu nhập khác	*(710.200.105)*	*(3.209.227)*
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	97.685.854	224.009
Chi phí không được trừ	*97.685.854*	224.009
Thu nhập chịu thuế	**8.630.161.320**	**13.422.363.929**
Chuyển lỗ năm trước	-	-
Thu nhập chịu thuế	**8.630.161.320**	**13.422.363.929**
Thu nhập từ Dự án tại KCN Vĩnh Lộc được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế	*1.893.540.090*	-
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh máy tính hưởng thuế suất 20%	*349.520.770*	-
Thu nhập hưởng thuế suất thông thường	*6.387.100.460*	-
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**1.903.371.780**	**2.852.995.863**

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.378.493.979	12.418.521.641
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**12.378.493.979**	**12.418.521.641**
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	10.814.179	10.892.660
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	**1.145**	**1.140**

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	104.923.821.941	118.178.134.442
Chi phí nhân công trực tiếp	10.909.983.543	12.586.097.292
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.804.766.455	4.716.499.781
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.994.902.074	21.481.424.411
Chi phí mua ngoài khác	21.149.522.894	4.320.443.561
Cộng	**144.782.996.907**	**161.282.599.487**

34. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thời điểm hiện tại, lĩnh vực kinh doanh của Công ty tập trung vào nhóm sản phẩm chính là kinh doanh hàng điện tử, điện lạnh và công nghệ thông tin. Các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực khác chiếm tỷ trọng không đáng kể, theo đó Công ty chưa áp dụng lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại cùng một khu vực địa lý, không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, do đó Công ty chưa áp dụng lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Các khoản vay	25.540.000.000	14.130.532.784
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	4.587.420.717	12.038.650.730
Nợ thuần	20.952.579.283	2.091.882.054
Vốn chủ sở hữu	204.375.181.982	202.993.599.765
Hệ số nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	**0,10**	**0,01**

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.587.420.717	12.038.650.730
Phải thu khách hàng và phải thu khác	45.142.753.533	42.412.687.576
Đầu tư ngắn hạn	68.799.043.918	70.355.202.000
Đầu tư dài hạn	-	10.480.500.000
Tài sản tài chính khác	3.576.091.537	1.564.107.837
Tổng cộng	**122.105.309.705**	**136.851.148.143**
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	25.540.000.000	14.130.532.784
Phải trả người bán và phải trả khác	18.771.898.188	20.043.190.335
Chi phí phải trả	3.199.542.485	5.952.018.161
Tổng cộng	**47.511.440.673**	**40.125.741.280**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Tại thời điểm 31/12/2013, Công ty không có các khoản đầu tư cổ phiếu cho mục đích thương mại, theo đó Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Và Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Khoản đầu tư vào công ty con được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại ngày 31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.587.420.717	-	4.587.420.717
Phải thu khách hàng và phải thu khác	45.142.753.533	-	45.142.753.533
Đầu tư ngắn hạn	68.799.043.918	-	68.799.043.918
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Tài sản tài chính khác	3.576.091.537	-	3.576.091.537
Cộng	**122.105.309.705**	**-**	**122.105.309.705**
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	25.540.000.000	-	25.540.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	18.771.898.188	-	18.771.898.188
Chi phí phải trả	3.199.542.485	-	3.199.542.485
Cộng	**47.511.440.673**	**-**	**47.511.440.673**
Giá trị chênh lệch thanh khoản ròng	**74.593.869.032**	**-**	**74.593.869.032**

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tại ngày 01/01/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.038.650.730	-	12.038.650.730
Phải thu khách hàng và phải thu khác	42.412.687.576	-	42.412.687.576
Đầu tư ngắn hạn	70.355.202.000	-	70.355.202.000
Đầu tư dài hạn	10.480.500.000	-	10.480.500.000
Tài sản tài chính khác	1.564.107.837	-	1.564.107.837
Cộng	**136.851.148.143**	**-**	**136.851.148.143**
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	14.130.532.784	-	14.130.532.784
Phải trả người bán và phải trả khác	20.043.190.335	-	20.043.190.335
Chi phí phải trả	5.952.018.161	-	5.952.018.161
Cộng	**40.125.741.280**	**-**	**40.125.741.280**
Giá trị chênh lệch thanh khoản ròng	**96.725.406.863**	**-**	**96.725.406.863**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

36. THÔNG TIN KHÁC

Công ty ký hợp đồng thuê đất của lô đất tại khu Khu Công nghiệp Cát Lái theo hợp đồng nguyên tắc Số 08/HĐNT- PTN- KCN ngày 13/10/2005 giữa Công ty và Công ty Quản lý và phát triển nhà Quận 2 (nay là Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 2). Tới thời điểm hiện tại Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 2 chưa hoàn thiện các hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký hợp đồng thuê đất chính thức, theo đó Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa xác định nghĩa vụ thanh toán tiền thuê đất trong các giai đoạn tiếp theo.

37. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.

M.S.D.N: 0300391837 - C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH * Q. BÌNH THẠNH - TP. HỒ CHÍ MINH

Vũ Dương Ngọc Duy	**Đào Trung Thanh**	**Trương Thị Thùy Linh**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2014